

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

**Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022
quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường**

(Tiếp theo Công báo số 191 + 192)

PHỤ LỤC III**MẪU BIỂU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI VÀ KIỂM SOÁT
CÁC CHẤT Ô NHIỄM KHÁC**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều
của Luật Bảo vệ môi trường)*

Mẫu số 02. Phương pháp tính và dự toán chi phí cải tạo môi trường bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt

Tùy thuộc vào phương án cải tạo môi trường được lựa chọn, tổng dự toán cải tạo môi trường (M_{cp}) bằng tổng các chi phí thực hiện các hạng mục chính dưới đây:

$$M_{cp} = M_{bl} + M_{cn} + M_{hc} + M_k$$

Trong đó:

M_{bl} : Các chi phí cải tạo môi trường bãi chôn lấp chất thải, bao gồm các chi phí: Chi phí lớp phủ trên cùng có hàm lượng sét hoặc lớp vải nhựa HDPE hoặc chất liệu tương đương lớn hơn 30%, đảm bảo độ ẩm tiêu chuẩn và được đầm nén cẩn thận, chiều dày lớn hơn hoặc bằng 60 cm. Độ dốc từ chân bãi thải đến đỉnh bãi tăng dần từ 3% đến 5%, đảm bảo thoát nước tốt và không trượt lở, sụt lún; Chi phí phủ lớp đệm đất có thành phần phổ biến là cát dày từ 50 cm đến 60 cm; Chi phí phủ lớp đất trồng (lớp đất thổ nhưỡng) dày từ 20 cm đến 30 cm; Chi phí trồng cỏ và cây xanh; Chi phí xử lý nước rỉ rác; Chi phí quản lý nước mặt, nước ngầm, hệ thống thu gom khí thải, hệ thống giám sát chất lượng nước ngầm.

M_{cn} : Chi phí cải tạo môi trường mặt bằng sân công nghiệp, khu vực phân loại chất thải, khu vực phụ trợ và các hoạt động khác có liên quan, bao gồm các chi phí: tháo dỡ các công trình trên mặt bằng và vận chuyển đến nơi lưu chứa; san gạt tạo mặt bằng, phủ đất màu, trồng cây; xây dựng hệ thống thu gom, thoát nước;

M_{hc} : chi phí duy tu, bảo trì các công trình cải tạo môi trường sau khi kết thúc hoạt động cải tạo môi trường (được tính bằng 10% tổng chi phí cải tạo môi trường); Chi phí hành chính phục vụ cho công tác cải tạo môi trường; chi phí thiết kế, thẩm định thiết kế; chi phí dự phòng do phát sinh khối lượng; chi phí vận hành hệ thống xử lý nước thải;

M_k : Những khoản chi phí khác.

[illegible]

Mẫu số 03. Biên bản bàn giao chất thải rắn công nghiệp thông thường**A. Hướng dẫn sử dụng biên bản bàn giao CTRCNTT**

1. Biên bản bàn giao được lập giữa chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển (nếu có) và chủ xử lý (nơi thực hiện tái sử dụng, tái chế hoặc tiêu hủy chất thải). Biên bản bàn giao (được in sẵn để kê khai bằng tay hoặc kê khai trực tiếp trong máy tính trước khi in ra) và được lập thành các bản như nhau, mỗi bên giữ 01 bản.

2. Tổ chức thực hiện:

- Bên giao CTRCNTT phải thống nhất với bên nhận để điền đầy đủ thông tin vào biên bản giao nhận theo đúng nội dung hợp đồng chuyển giao.

- Biên bản bàn giao được lập mỗi khi thực hiện một lần chuyển giao CTRCNTT tương ứng với từng bên nhận chất thải.

3. Trình tự kê khai, lưu và chuyển biên bản bàn giao CTRCNTT

a) Mục 1, 2: Bên giao và bên nhận khai đầy đủ tên, địa chỉ, số điện thoại.

b) Mục 3: Bên giao khai loại chất thải, số lượng một lần chuyển giao.

c) Mục 4: Đại diện bên giao, bên nhận ký (ghi rõ họ tên) để xác nhận các thông tin từ Mục 1 đến 3 trước khi chuyển giao. Trường hợp không có chủ nguồn thải thì thay bằng cơ quan giao nhiệm vụ vận chuyển.

Lưu ý: Có thể điều chỉnh một số thông tin cho phù hợp khi lập biên bản bàn giao CTRCNTT theo thực tế phát sinh.

B. Mẫu biên bản bàn giao chất thải rắn công nghiệp thông thường

TỈNH/THÀNH PHỐ	BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG Số:.....
1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển):..... Địa chỉ văn phòng:..... ĐT:..... Địa chỉ cơ sở:..... ĐT:.....	
2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý):..... Địa chỉ văn phòng:..... ĐT:..... Địa chỉ cơ sở xử lý:..... ĐT:.....	

3. Khối lượng: CTRCNTT chuyển giao			
TT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Tái sử dụng, tái chế để làm nguyên liệu, nhiên liệu cho ngành sản xuất khác (chuyển giao cho tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRCNTT)		
2	Chất thải phải xử lý		
3	Tổng khối lượng		
4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3			
(Địa danh), ngày..... tháng..... năm.... Bên giao (Chữ ký, đóng dấu nếu có) Họ và tên		(Địa danh., ngày... tháng..... năm.... Bên nhận (Chữ ký, đóng dấu nếu có) Họ và tên	

Mẫu số 04. Chứng từ chất thải nguy hại**CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI****A. Hướng dẫn sử dụng****1. Giới thiệu**

Một bộ Chứng từ CTNH gồm các liên (được in sẵn để kê khai bằng tay hoặc kê khai trực tiếp trong máy tính trước khi in ra) như sau:

- Liên số 1: Lưu tại Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1 hoặc đơn vị thực hiện việc vận chuyển CTNH;
- Liên số 2: Lưu tại Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 2 (nơi thực hiện việc xử lý CTNH) - nếu có;
- Liên số 3: Lưu tại chủ nguồn thải (sau khi Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1 hoặc đơn vị thực hiện việc vận chuyển CTNH tiếp nhận chất thải);
- Liên số 4: Lưu tại chủ nguồn thải (Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại gửi lại sau khi đã hoàn thành việc xử lý CTNH);

2. Tổ chức thực hiện

- Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý CTNH hoặc đơn vị thực hiện việc vận chuyển CTNH phải thống nhất với Chủ nguồn thải CTNH để khai đầy đủ thông tin vào Chứng từ CTNH theo đúng nội dung hợp đồng chuyển giao CTNH và quy định trong các Giấy phép môi trường liên quan.

- Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý CTNH hoặc đơn vị thực hiện việc vận chuyển CTNH phát hành một bộ Chứng từ CTNH mỗi khi thực hiện một lần tiếp nhận CTNH, không dùng chung Chứng từ CTNH cho các lô CTNH được tiếp nhận từ các chủ nguồn thải khác nhau, kể cả trường hợp thực hiện việc vận chuyển trên cùng một phương tiện. Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý CTNH có trách nhiệm bảo đảm nội dung kê khai và xác nhận vào Chứng từ khi tiếp nhận CTNH và khi đã hoàn thành xử lý CTNH.

3. Trình tự kê khai, lưu và chuyển Chứng từ CTNH

a) Số Chứng từ: Số thứ tự trong năm/năm/Số Giấy phép môi trường hoặc mã số QLCTNH của Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại.

(Ví dụ: Chứng từ đầu tiên trong năm 2022 của Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại có mã số QLCTNH 1-2-3-4-5-6.001.VX có số là: 01/2022/1-2-3-4-5-6.001.VX)

b) Mục 1, 2 và 3: Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại và Chủ nguồn thải thống nhất khai đầy đủ tên, số Giấy phép môi trường hoặc mã số QLCTNH, địa chỉ (địa chỉ cơ sở hoặc đại lý tương ứng với lô CTNH trong trường hợp có nhiều hơn một cơ sở hoặc đại lý), số điện thoại liên hệ và thông tin trên Giấy phép môi trường đã được cấp. Trường hợp chỉ có duy nhất một Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại thực hiện toàn bộ việc QLCTNH (không có Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 2) thì bỏ liên số 2 và bỏ qua Mục 2.

c) Mục 4: Chủ nguồn thải và (các) Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại thống nhất khai đầy đủ tên, mã chất thải, trạng thái tồn tại, số lượng và phương pháp xử lý các loại CTNH trong một lần chuyển giao.

d) Mục 5: Trong trường hợp xuất khẩu CTNH, chủ nguồn thải (hoặc nhà xuất khẩu đại diện), Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại thực hiện việc vận chuyển trong nội địa, đơn vị vận chuyển xuyên biên giới và đơn vị xử lý ở nước ngoài thống nhất khai đầy đủ các thông tin. Bỏ liên số 2 và không sử dụng Mục 7, 8. Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại thực hiện việc vận chuyển trong nội địa trực tiếp gửi liên số 4 cho chủ nguồn thải kèm theo hồ sơ chuyển vận chuyển.

đ) Mục 6: Người có thẩm quyền thay mặt chủ nguồn thải ký, đóng dấu vào tất cả các liên để xác nhận việc đã thống nhất kê khai chính xác các thông tin tại Mục 1 đến 4 trước khi tiến hành chuyển giao. Trường hợp không có chủ nguồn thải thì thay bằng cơ quan có thẩm quyền giao nhiệm vụ xử lý CTNH.

e) Mục 7.1: Khi tiếp nhận CTNH từ chủ nguồn thải, người nhận (lái xe hoặc nhân viên thu gom) thay mặt Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1 ghi họ tên và ký xác nhận vào tất cả các liên của Chứng từ. Chủ nguồn thải giữ liên 3 và chuyển các liên còn lại cho Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1.

g) Mục 7.2: Khi tiếp nhận CTNH từ Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1, người nhận (lái xe hoặc nhân viên thu gom) thay mặt Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 2 ghi họ tên và ký xác nhận vào tất cả các liên của Chứng từ mà Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1 đang giữ. Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1 chuyển các liên 1, 2 và 4 cho Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 2. Trường hợp không có Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 2 thì bỏ qua Mục này.

h) Mục 8: Người có thẩm quyền thay mặt cho Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại thực hiện việc xử lý ký, đóng dấu vào tất cả các liên nhận được sau khi hoàn thành việc xử lý an toàn CTNH. Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại gửi trả liên 4 cho chủ nguồn thải trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành xử lý.

Lưu ý: Có thể xóa hoặc sửa đổi một số thông tin cho phù hợp khi lập Chứng từ CTNH tùy theo thực tế.

B. Mẫu Chứng từ chất thải nguy hại

TỈNH/THÀNH PHỐ		CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI					
.....		Số:.....					
1. Chủ CS DV XL CTNH 1:..... Số Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH (nếu có).....							
Địa chỉ văn phòng:..... ĐT:.....							
Địa chỉ cơ sở/đại lý:..... ĐT:.....							
2. Chủ CS DV XLCTNH 2 :..... Số Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH (nếu có).....							
Địa chỉ văn phòng:..... ĐT:.....							
Địa chỉ cơ sở:..... ĐT:.....							
3. Chủ nguồn thải:..... Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH (nếu có).....							
Địa chỉ văn phòng:..... ĐT:.....							
Địa chỉ cơ sở:..... ĐT:.....							
4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý [#]
		Rắn	Lỏng	Bùn			
[#] Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập.....							
Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:.....							
Cửa khẩu xuất:.....							
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển:.....							
7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển:..... Ký:..... Ngày:.....							
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:..... Ký:..... Ngày:.....							
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5) (Địa danh), ngày..... tháng..... năm.... Chức danh người ký (Chữ ký, đóng dấu) Họ và tên				8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 (Địa danh), ngày..... tháng..... năm.... Chức danh người ký (Chữ ký, đóng dấu) Họ và tên			
@Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□ Ghi chú :.....(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)							

Mẫu số 05. Đơn đăng ký vận chuyển xuyên biên giới chất thải nguy hại

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...

(Địa danh), ngày... tháng... năm.....

Kính gửi: Bộ Tài nguyên và Môi trường

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường,

Chúng tôi đăng ký vận chuyển xuyên biên giới chất thải nguy hại (CTNH) với những thông tin cụ thể như sau:

1. Lý do xuất khẩu CTNH
2. (Các) chủ nguồn thải CTNH (1)
3. Nhà xuất khẩu đại diện cho chủ nguồn thải (nếu có) (1)
4. Đơn vị xử lý CTNH ở nước ngoài (1)
5. Nhà nhập khẩu CTNH (nếu khác với đơn vị xử lý) (1)
6. Đơn vị thực hiện việc vận chuyển trong nội địa (dự kiến) (1)
7. Đơn vị vận chuyển xuyên biên giới (dự kiến) (1)
8. Quốc gia quá cảnh dự kiến
Cơ quan thẩm quyền Công ước Basel của quốc gia quá cảnh (1)
9. Quốc gia nhập khẩu
Cơ quan thẩm quyền Công ước Basel của quốc gia nhập khẩu (2)
10. Chỉ rõ đăng ký đơn lẻ cho từng chuyến hay đăng ký chung cho nhiều chuyến trong một năm
11. Dự kiến về ngày xuất cảnh, thời gian vận chuyển và hành trình dự kiến (bao gồm cả cửa khẩu nhập và cửa khẩu xuất) (3)
12. Phương tiện vận chuyển (đường bộ, đường sắt, đường nội thủy, đường biển, đường không...) và số hiệu (nếu đã xác định)
13. Những thông tin về bảo hiểm trong trường hợp sự cố (4)
14. Mô tả tính chất của từng loại CTNH, mã chất thải quy định tại Mẫu số 1C, Phụ lục III kèm theo Thông tư này và theo danh mục A của Công ước Basel, thành phần chất thải (5) và những thông tin về mọi yêu cầu xử lý đặc biệt, bao gồm cả những quy định khẩn cấp trong trường hợp có sự cố

15. Loại bao bì (kiện, thùng phuy hoặc téc...) và phương án đóng gói, bảo quản
16. Số lượng (6)
17. Quá trình phát sinh CTNH (7)
18. Phương pháp xử lý CTNH ở nước ngoài
19. Cam kết của chủ nguồn thải (hoặc nhà xuất khẩu đại diện) xác nhận các thông tin là đúng
20. Những thông tin do đơn vị xử lý ở nước ngoài thông báo cho chủ nguồn thải (hoặc nhà xuất khẩu đại diện), chứng minh rằng chất thải được bảo đảm quản lý hợp lý về môi trường phù hợp với luật pháp của Quốc gia nhập khẩu
21. Thông tin liên quan đến hợp đồng ký kết giữa chủ nguồn thải (hoặc nhà xuất khẩu đại diện) và đơn vị xử lý ở nước ngoài hoặc nhà nhập khẩu; giấy tờ ủy thác hoặc hợp đồng của chủ nguồn thải trong trường hợp có nhà xuất khẩu đại diện

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu...

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Chữ ký, đóng dấu)**Họ và tên****Ghi chú:**

- (1) Tên, địa chỉ, số điện thoại, fax, thư điện tử (nếu có) cũng như tên, địa chỉ, số điện thoại, fax, thư điện tử (nếu có) của những người cần liên hệ
- (2) Tên và địa chỉ đầy đủ, số điện thoại, fax, thư điện tử (nếu có)
- (3) Trong trường hợp có một đăng ký chung cho nhiều chuyến xuất khẩu trong một năm, thì phải ghi rõ ngày tháng của từng chuyến, hoặc nếu chưa biết ngày xuất cảng, thì cần thông báo tần suất vận chuyển
- (4) Cung cấp thông tin về hợp đồng liên quan đến các yêu cầu bảo hiểm tương ứng và cách các chủ nguồn thải, nhà xuất khẩu đại diện (nếu có), đơn vị vận chuyển, nhà nhập khẩu, và đơn vị xử lý có thể đáp ứng được yêu cầu này
- (5) Tính chất và nồng độ của các thành phần nguy hiểm nhất về mặt độc tính và các mối đe dọa khác của CTNH trong cả khâu quản lý lẫn các khâu liên quan đến xử lý
- (6) Trong trường hợp có một đăng ký chung cho nhiều chuyến xuất khẩu trong một năm, cần chỉ rõ dự kiến về tổng số lượng và số lượng của từng chuyến
- (7) Thông tin này là cần thiết cho việc đánh giá mức độ nguy hiểm và xác định sự thích hợp của hoạt động xử lý được đề xuất.

Mẫu số 06. Văn bản chấp thuận vận chuyển xuyên biên giới chất thải nguy hại

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /.....

V/v.....

(Địa danh), ngày... tháng... năm....

Kính gửi: (Tên tổ chức, cá nhân đăng ký xuất khẩu)

Theo đề nghị của tổ chức/cá nhân đăng ký vận chuyển xuyên biên giới chất thải nguy hại tại văn bản.....

Căn cứ văn bản chấp thuận của cơ quan thẩm quyền Công ước Basel tại nước nhập khẩu tại văn bản....

Bộ Tài nguyên và Môi trường chấp thuận việc xuất khẩu chất thải nguy hại (CTNH) với những thông tin và điều kiện cụ thể như sau:

1. Tên và mã chất thải:
2. Lý do xuất khẩu:
3. Chủ nguồn thải và nhà xuất khẩu đại diện (nếu có):
4. Đơn vị xử lý ở nước ngoài:
5. Đơn vị thực hiện việc vận chuyển trong nội địa:
6. Đơn vị vận chuyển xuyên biên giới:
7. Quốc gia quá cảnh: Cơ quan thẩm quyền Công ước Basel:
8. Quốc gia nhập khẩu: Cơ quan thẩm quyền Công ước Basel:
9. Số lần xuất khẩu:
10. Thời gian được phép xuất khẩu (từ ngày... đến ngày...):
11. Dự kiến về ngày xuất cảnh, thời gian vận chuyển và hành trình dự kiến (cảng xuất khẩu, quá cảnh, nhập khẩu):
12. Phương tiện vận chuyển và số hiệu (nếu đã xác định):
13. Thông tin về bảo hiểm cho từng lô hàng (trong trường hợp sự cố):
14. Mô tả tính chất của từng loại CTNH:
15. Loại bao bì:
16. Khối lượng (kg):
17. Quá trình phát sinh CTNH:

18. Phương pháp xử lý ở nước ngoài:

Việc xuất khẩu CTNH nêu trên phải được thực hiện theo đúng các quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, trong đó có việc sử dụng Chứng từ CTNH và việc lập hồ sơ vận chuyển cho từng chuyến xuất khẩu; tuân thủ các quy định áp dụng đối với việc nhập khẩu chất thải nêu trên của... (quốc gia nhập khẩu).

Bộ Tài nguyên và Môi trường thông báo để (tên tổ chức, cá nhân đăng ký xuất khẩu) biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- ...;
- Lưu:...

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

*(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/chữ ký số
của cơ quan, tổ chức)*

Họ và tên

Mẫu số 07. Quyết định thành lập đoàn đánh giá năng lực của tổ chức đánh giá sự phù hợp quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất

(1)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-.....

(Địa danh), ngày... tháng.... năm....

QUYẾT ĐỊNH

**Thành lập đoàn đánh giá năng lực của tổ chức đánh giá sự phù hợp
quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với phế liệu nhập khẩu làm
nguyên liệu sản xuất của (2)**

(3)

Căn cứ văn bản số..... ngày... tháng... năm... của..... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của... (1)...;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa; Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị của (tên tổ chức) tại Giấy đăng ký chỉ định hoạt động giám định phế liệu nhập khẩu ngày tháng năm;

Theo đề nghị của (cơ quan được giao thụ lý hồ sơ),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Đoàn đánh giá thực tế năng lực giám định phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất của (2) làm căn cứ xem xét đề nghị chỉ định giám định phế liệu bao gồm các ông, bà có tên sau đây:

1. Ông/ Bà.....; Trưởng đoàn;
2. Ông/ Bà.....; Phó Trưởng đoàn;
3. Ông/ Bà....., Thành viên;
- 4....

...

Ông/ Bà...; Thành viên thư ký.

Điều 2. Đoàn đánh giá có trách nhiệm đánh giá thực tế và lập biên bản làm việc về sự tuân thủ quy định pháp luật của (2) trong lĩnh vực đăng ký chỉ định; tính xác thực của hồ sơ đăng ký và hoạt động khác có liên quan tới lĩnh vực đăng ký; Báo cáo, chịu trách nhiệm với Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường kết quả đánh giá thực tế.

Đoàn đánh giá tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Chi phí phục vụ hoạt động đánh giá của Đoàn đánh giá do (tên tổ chức) chi trả.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

(3), người có thẩm quyền và đại diện tư cách pháp nhân của tổ chức (2) và các Ông (Bà) có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Tên tổ chức đề nghị;
- Lưu:...

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

Họ và tên

Ghi chú:

- (1) Cơ quan có thẩm quyền thành lập đoàn đánh giá
- (2) Tên tổ chức
- (3) Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền thành lập đoàn đánh giá

Mẫu số 08. Bản nhận xét, đánh giá năng lực của tổ chức đánh giá sự phù hợp quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢN NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ SỰ
PHÙ HỢP QUY CHUẨN KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI PHẾ LIỆU
NHẬP KHẨU LÀM NGUYÊN LIỆU SẢN XUẤT**

I. Người viết nhận xét

1. Họ và tên:..
2. Học hàm, học vị:..
3. Nơi công tác:..
4. Chức danh trong Đoàn đánh giá:..
5. Tổ chức được đánh giá:..

II. Nhận xét, đánh giá về năng lực của tổ chức đánh giá sự phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về môi trường đối với phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất

1. Đánh giá tính xác thực của Hồ sơ đăng ký:

1.1. Đánh giá mức độ đầy đủ, phù hợp của thành phần hồ sơ và các thông tin trong hồ sơ đăng ký:

.....

.....

.....

.....

.....

- 1.2. Các nội dung trong Hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện:

.....

.....

.....

.....

.....

2. Đánh giá về cơ sở vật chất, máy móc, thiết bị và giám định viên:

2.1. Đánh giá mức độ đáp ứng của cơ sở vật chất, máy móc, thiết bị:

.....

.....

.....

.....

.....

2.2. Đánh giá mức độ đáp ứng của số lượng và năng lực giám định viên:

.....

.....

.....

.....

.....

3. Đánh giá sự tuân thủ quy định pháp luật của tổ chức đánh giá sự phù hợp trong lĩnh vực đăng ký chỉ định giám định phế liệu nhập khẩu

3.1. Đánh giá sự tuân thủ chung theo hệ thống quản lý:

.....

.....

.....

.....

.....

3.2. Đánh giá sự tuân thủ quy định pháp luật trong hoạt động giám định phế liệu nhập khẩu:

.....

.....

.....

.....

.....

3.3. Những vấn đề tồn tại cần khắc phục, cải tiến:

.....

.....

.....
.....
.....
4. Nhận xét về các vấn đề khác liên quan đến hoạt động được chỉ định:
.....
.....
.....
.....
.....

III. Kết luận và đề nghị:

“Kết luận Tổ chức có đủ năng lực để được tham gia hoạt động đánh giá sự phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường đối với phế liệu hay không?”
.....
.....
.....
.....
.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI NHẬN XÉT

(Chữ ký)

Họ và tên

Mẫu số 09. Biên bản đánh giá năng lực của tổ chức đánh giá sự phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về môi trường đối với phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất

**(1) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

(Địa danh), ngày.... tháng.... năm....

BIÊN BẢN

Đánh giá năng lực của tổ chức đánh giá sự phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về môi trường đối với phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp;

Căn cứ Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường đối với phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-(trích yếu của cơ quan ban hành quyết định) ngày tháng năm của (tên cơ quan ban hành quyết định) về việc thành lập Đoàn đánh giá năng lực giám định chất lượng phế liệu nhập khẩu của (tên tổ chức đề nghị chỉ định);

Đoàn đánh giá thực tế đến làm việc, đánh giá về Hồ sơ đăng ký tham gia đánh giá sự phù hợp quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với phế liệu làm nguyên liệu sản xuất của (tên tổ chức đề nghị chỉ định);

Thời gian làm việc:.....

Địa điểm làm việc:.....

I. Thành phần Đoàn đánh giá:

1. Ông/Bà....., (tên cơ quan/đơn vị đang công tác), Trưởng đoàn;
2. Ông/Bà....., (tên cơ quan/đơn vị đang công tác), Phó Trưởng đoàn;
3. Ông/Bà....., (tên cơ quan/đơn vị đang công tác), thành viên;

.....

Ông/Bà....., (tên cơ quan/đơn vị đang công tác), Thành viên thư ký.

Có.../... thành viên Đoàn đánh giá, đủ điều kiện để thực hiện đánh giá thực tế năng lực giám định phế liệu của (tên tổ chức/cá nhân đề nghị tham gia đánh giá sự phù hợp quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với phế liệu làm nguyên liệu sản xuất).

II. Đại diện tổ chức đề nghị chỉ định

1. Ông/Bà....., Chức vụ;
2. Ông/Bà....., Chức vụ;

...

III. Nội dung làm việc của Đoàn đánh giá:

1. Tuyên bố lí do và quyết định thành lập Đoàn đánh giá; Giới thiệu thành phần làm việc và thống nhất chương trình làm việc.

2. Công ty trình bày nội dung hồ sơ đề nghị chỉ định giám định phế liệu phục vụ quản lý nhà nước theo các yêu cầu của Đoàn đánh giá.

3. Đoàn đánh giá xem xét, nghiên cứu hồ sơ và đánh giá thực tế, tập trung các nội dung chủ yếu như sau:

- Thông tin chung về Công ty: tổ chức bộ máy, con người (đặc biệt là số lượng giám định viên phế liệu), cơ sở vật chất, máy móc thiết bị phục vụ giám định phế liệu.

- Các hồ sơ liên quan đến tính pháp lý; hệ thống quản lý và năng lực hoạt động đáp ứng các yêu cầu quy định trong tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17020:2012 đối với giám định phế liệu; các quy trình giám định phế liệu; hồ sơ năng lực của các cán bộ thực hiện giám định phế liệu.

- Đánh giá sự tuân thủ quy định pháp luật của tổ chức đánh giá sự phù hợp trong lĩnh vực đăng ký chỉ định giám định phế liệu nhập khẩu về: sự tuân thủ chung theo hệ thống quản lý; sự tuân thủ quy định pháp luật trong hoạt động giám định phế liệu nhập khẩu..

4. Các thành viên trong Đoàn đánh giá nhận xét, đánh giá về năng lực và tổ chức thực hiện giám định phế liệu của Công ty.

5. Kết luận về kết quả đánh giá và cùng Công ty ký Biên bản làm việc, đánh giá.

IV. Hồ sơ, tài liệu Đoàn đánh giá đề nghị tổ chức cung cấp:

...

V. Các nội dung Đoàn đánh giá đã thực hiện

1. Về hồ sơ pháp lý của tổ chức

.....

2. Về trang thiết bị, máy móc phục vụ giám định

Tổ chức có một số thiết bị, máy móc phục vụ cho hoạt động giám định phế liệu, bao gồm:

TT	Tên thiết bị	Số hiệu	Đơn vị hiệu chuẩn, kiểm định thiết bị và thời hạn
1			
2			
3			
...			

3. Về số lượng và năng lực của giám định viên về phế liệu

- Đoàn đánh giá đã đánh giá về mức độ phù hợp về chuyên môn đào tạo, kinh nghiệm giám định phế liệu nhập khẩu của các giám định viên, cụ thể như sau:

TT	Họ và tên	Chứng chỉ đào tạo chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Kinh nghiệm công tác (năm)	Đánh giá mức độ phù hợp về chuyên môn đào tạo, kinh nghiệm giám định phế liệu nhập khẩu
1					
2					
3					
...					

Nội dung đánh giá:.....

4. Về các quy trình và nội dung tổ chức giám định phế liệu nhập khẩu

.....

5. Đánh giá sự tuân thủ quy định pháp luật của tổ chức đánh giá sự phù hợp trong lĩnh vực đăng ký chỉ định giám định phế liệu nhập khẩu

.....

VI. Kết luận của trưởng đoàn đánh giá:

Trên cơ sở rà soát, đánh giá hồ sơ năng lực, quy trình tổ chức thực hiện, sự tuân thủ quy định pháp luật của tổ chức trong lĩnh vực đăng ký chỉ định giám định phế liệu nhập khẩu và năng lực của các giám định viên, đoàn đánh giá thực tế có kết luận như sau:

1. Các kết quả đạt được:

.....

2. Những tồn tại cần khắc phục hoặc hoàn thiện, bổ sung:

a) Đối với việc hoàn thiện, bổ sung các thông tin, sửa đổi các quy trình, tài liệu và khắc phục các tồn tại trong quá trình quản lý hệ thống:

.....

b) Đối với việc bổ sung các báo cáo, tài liệu, quy trình và hồ sơ:

.....

3. Yêu cầu về việc nộp lại hồ sơ hoàn thiện:

.....

4. Các yêu cầu khác:

.....

VIII. Ý kiến của đại diện Công ty:

.....

Biên bản làm việc được lập vào hồi ngày tháng năm tại (tên tổ chức đánh giá).

Biên bản này được lập thành ba (03) bản có giá trị pháp lý như nhau, đoàn đánh giá giữ 02 bản, (tên tổ chức đánh giá) giữ 01 bản để thực hiện./.

ĐẠI DIỆN CÔNG TY

(Chữ ký)

Họ và tên

TM. ĐOÀN ĐÁNH GIÁ

TRƯỞNG ĐOÀN

(chữ ký)

Họ và tên

Ghi chú:

(1) Cơ quan có thẩm quyền thành lập đoàn đánh giá

Mẫu số 10. Quyết định thành lập Đoàn kiểm tra, đánh giá hồ sơ đăng ký miễn trừ các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy (POP)

(1) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-.....

(Địa danh), ngày... tháng.... năm.....

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Đoàn kiểm tra, đánh giá hồ sơ đăng ký miễn trừ các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy (POP) của (2)

(3)

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số.../QĐ... ngày... tháng... năm... của... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của...(1)...;

Theo đề nghị của...(4)...,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Đoàn kiểm tra để đánh giá hồ sơ đăng ký miễn trừ các chất POP của (2) gồm các ông, bà có tên sau đây:

TT	Họ và tên	Nơi công tác	Chức danh trong Đoàn kiểm tra
1	...	...	Trưởng đoàn
	...	...	Phó trưởng đoàn (nếu có)
	...	...	Thư ký
	...	...	Thành viên
	...	...	...

Điều 2. Đoàn kiểm tra có trách nhiệm đánh giá hồ sơ đăng ký miễn trừ các chất POP của (2) trên cơ sở các hồ sơ, tài liệu có liên quan và kết quả kiểm tra, đánh giá thực tế làm căn cứ đăng ký miễn trừ các chất POP.

Điều 3. Việc kiểm tra phải được hoàn thành trước ngày... tháng... năm...

Điều 4. Chi phí cho hoạt động của Đoàn kiểm tra được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

(4), các ông, bà có tên trong Điều 1, (2) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
-(5)....;
- Lưu:...

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

Họ và tên

Ghi chú:

- (1) Cơ quan có thẩm quyền ra quyết định thành lập Đoàn kiểm tra, đánh giá hồ sơ đăng ký miễn trừ các chất POP;
- (2) Tổ chức, cá nhân đăng ký miễn trừ chất POP;
- (3) Thủ trưởng hoặc người đứng đầu cơ quan ra quyết định thành lập Đoàn kiểm tra, đánh giá;
- (4) Thủ trưởng cơ quan được giao chủ trì thực hiện kiểm tra;
- (5) Nơi nhận khác (nếu có).

Mẫu số 11. Biên bản kiểm tra, đánh giá hồ sơ đăng ký miễn trừ các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy (POP)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****BIÊN BẢN****Kiểm tra, đánh giá hồ sơ đăng ký
miễn trừ các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy (POP)**

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số.../QĐ-... ngày..... tháng... năm... của (tên cơ quan ra Quyết định thành lập Đoàn kiểm tra) về việc thành lập Đoàn kiểm tra, đánh giá hồ sơ đăng ký miễn trừ các chất POP của (Tên tổ chức, cá nhân đăng ký),

I. Thông tin tổ chức, cá nhân đăng ký miễn trừ:

Tên tổ chức, cá nhân:

Địa chỉ:

Điện thoại:..... Fax:

II. Thành phần đoàn kiểm tra gồm: *(ghi đầy đủ họ tên của Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn và tất cả các thành viên có mặt)*

III. Đại diện tổ chức, cá nhân: *(ghi đầy đủ họ, tên, chức vụ những người có mặt)*

IV. Nội dung làm việc của đoàn kiểm tra

Đoàn kiểm tra xem xét và đánh giá hồ sơ của tổ chức, cá nhân đăng ký miễn trừ các chất POP theo từng nội dung sau:

a) Các hồ sơ pháp lý liên quan;

b) Loại hình sản xuất, công nghệ sản xuất; quy mô, công suất; nhu cầu nhập khẩu, sản xuất, sử dụng các chất POP;

c) Các điều kiện về bảo vệ môi trường liên quan đến đề nghị đăng ký miễn trừ các chất POP của tổ chức, cá nhân.

V. Nhận xét, đánh giá: *(nhận xét, đánh giá về các nội dung kiểm tra nói trên)*

VI. Kết luận

1. Các kết quả đạt được, tồn tại và nguyên nhân.
2. Thông báo về kết quả kiểm tra, đánh giá hồ sơ đăng ký miễn trừ các chất POP.

VII. Ý kiến của tổ chức, cá nhân

Biên bản được lập vào hồi... giờ... ngày... tháng... năm... tại... và đã đọc kỹ cho những người tham dự cùng nghe.

**ĐẠI DIỆN CÓ THẨM
QUYỀN CỦA TỔ CHỨC,
CÁ NHÂN**
(Chữ ký, dấu - nếu có)

**THƯ KÝ ĐOÀN
KIỂM TRA**
(Chữ ký)

**TRƯỞNG ĐOÀN
KIỂM TRA**
(Chữ ký)

Họ và tên

Họ và tên

Họ và tên

Mẫu số 12. Quyết định thành lập đoàn kiểm tra, đánh giá sự phù hợp đối với chất ô nhiễm khó phân hủy và nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa chất ô nhiễm khó phân hủy

**(1) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-..... (Địa danh), ngày..... tháng... năm.....

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc thành lập Đoàn kiểm tra, đánh giá sự phù hợp đối với chất ô nhiễm
khó phân hủy và nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa,
thiết bị có chứa chất ô nhiễm khó phân hủy của (2)**

(3)

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa và Nghị định số 111/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa;

Căn cứ Thông tư số 06/2020/TT-BKHCN ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008, Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 và Nghị định số 19/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số.../QĐ... ngày... tháng... năm... của... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của...(1)....;

Theo đề nghị của...(4)....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Đoàn kiểm tra, đánh giá sự phù hợp đối với chất ô nhiễm khó phân hủy và nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa chất ô nhiễm khó phân hủy của (2) gồm các ông, bà có tên sau đây:

TT	Họ và tên	Nơi công tác	Chức danh trong Đoàn kiểm tra
1	...	...	Trưởng đoàn
	...	...	Phó trưởng đoàn (nếu có)
	...	...	Thư ký
	...	...	Thành viên
	...	...	...

Điều 2. Đoàn kiểm tra có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá sự phù hợp đối với chất ô nhiễm khó phân hủy và nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa chất ô nhiễm khó phân hủy của (2) theo các nội dung quy định tại Điều 48 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Việc kiểm tra phải được hoàn thành trước ngày..... tháng..... năm.....

Điều 4. Chi phí cho hoạt động của Đoàn kiểm tra được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

(4), các ông, bà có tên trong Điều 1, (2) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- ...(5)...
- Lưu...

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

*(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/chữ ký số
của cơ quan, tổ chức)*

Họ và tên

Ghi chú:

- (1) Cơ quan có thẩm quyền ra quyết định thành lập Đoàn kiểm tra, đánh giá sự phù hợp;
- (2) Tổ chức, cá nhân nhập khẩu, sản xuất, kinh doanh chất ô nhiễm khó phân hủy và nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa chất ô nhiễm khó phân hủy;
- (3) Thủ trưởng hoặc người đứng đầu cơ quan ra quyết định thành lập Đoàn kiểm tra, đánh giá sự phù hợp;
- (4) Thủ trưởng cơ quan được giao chủ trì thực hiện kiểm tra;
- (5) Nơi nhận khác (nếu có).

Mẫu số 13. Biên bản kiểm tra, đánh giá sự phù hợp đối với chất ô nhiễm khó phân hủy và nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa chất ô nhiễm khó phân hủy

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

Kiểm tra, đánh giá sự phù hợp đối với chất ô nhiễm khó phân hủy và nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa chất ô nhiễm khó phân hủy

Căn cứ Quyết định số.../QĐ-... ngày... tháng... năm... của (tên cơ quan ra Quyết định thành lập Đoàn kiểm tra) về việc thành lập Đoàn kiểm tra, đánh giá sự phù hợp đối với chất ô nhiễm khó phân hủy và nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa chất ô nhiễm khó phân hủy của (Tên tổ chức, cá nhân),

Đoàn kiểm tra tiến hành kiểm tra tại:

Tên tổ chức/cá nhân:

Địa chỉ:

Điện thoại:..... Fax:

Thời gian kiểm tra: từ... giờ... phút, ngày... tháng... năm... đến... giờ... phút, ngày... tháng... năm...

Tại:

I. Thành phần Đoàn kiểm tra gồm: (ghi đầy đủ họ tên của Trưởng đoàn và tất cả các thành viên có mặt)

II. Đại diện tổ chức, cá nhân: (ghi đầy đủ họ, tên, chức vụ những người có mặt)

III. Nội dung kiểm tra

Theo các nội dung quy định tại Điều 48 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

IV. Nhận xét, đánh giá: (nhận xét, đánh giá về các nội dung kiểm tra nói trên)

V. Kết luận

1. Các kết quả đạt được, tồn tại và nguyên nhân.
2. Thông báo về kết quả kiểm tra, đánh giá sự phù hợp.

VI. Ý kiến của tổ chức, cá nhân

Biên bản được lập vào hồi... giờ... phút, ngày... tháng... năm... tại... và đã đọc kỹ cho những người tham dự cùng nghe.

**ĐẠI DIỆN CÓ THẨM
QUYỀN CỦA TỔ CHỨC,
CÁ NHÂN**
(*Chữ ký, dấu*)

**THƯ KÝ
ĐOÀN KIỂM TRA**
(*Chữ ký*)

**TRƯỞNG ĐOÀN
KIỂM TRA**
(*Chữ ký*)

Họ và tên

Họ và tên

Họ và tên

Mẫu số 14. Văn bản thông báo kết quả kiểm tra, đánh giá sự phù hợp đối với chất ô nhiễm khó phân hủy và nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa chất ô nhiễm khó phân hủy

**(1) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /.....
V/v thông báo kết quả kiểm tra, đánh giá sự phù hợp (Địa danh), ngày..... tháng.... năm....

Kính gửi:...(2)...

Căn cứ Quyết định số...../QĐ-... ngày... tháng... năm... của (tên cơ quan ra Quyết định thành lập Đoàn kiểm tra) về việc thành lập Đoàn kiểm tra, đánh giá sự phù hợp đối với chất ô nhiễm khó phân hủy và nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa chất ô nhiễm khó phân hủy của (Tên tổ chức, cá nhân);

Căn cứ Biên bản kiểm tra, đánh giá sự phù hợp đối với chất ô nhiễm khó phân hủy và nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa chất ô nhiễm khó phân hủy ngày... tháng... năm...,

...(1)... thông báo kết quả kiểm tra như sau:

1. Đoàn kiểm tra đã lấy mẫu để đánh giá sự phù hợp theo quy chuẩn kỹ thuật môi trường tương ứng, cụ thể:

STT	Tên chất ô nhiễm khó phân hủy hoặc nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị chứa chất ô nhiễm khó phân hủy	Mã CAS/ Mã HS	Đặc tính kỹ thuật	Xuất xứ/ Nhà sản xuất hoặc nhập khẩu	Khối lượng/ số lượng mẫu, đơn vị tính	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1						
2						

2. Căn cứ kiểm tra:

+ Quy chuẩn kỹ thuật môi trường:.....

+ Quy định khác:.....

3. Kết quả kiểm tra: *Ghi một trong các nội dung:*

+ Đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường tương ứng;

+ Không đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường tương ứng.

Nơi nhận:

-... (2)....;

-... (4)....;

- Lưu:....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ*(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/chữ ký số
của cơ quan, tổ chức)***Họ và tên****Ghi chú:**

- (1) Cơ quan có thẩm quyền ra quyết định thành lập Đoàn kiểm tra, đánh giá sự phù hợp;
- (2) Tổ chức, cá nhân nhập khẩu, sản xuất, kinh doanh chất ô nhiễm khó phân hủy và nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa chất ô nhiễm khó phân hủy;
- (3) Thủ trưởng hoặc người đứng đầu cơ quan ra quyết định thành lập Đoàn kiểm tra, đánh giá sự phù hợp;
- (4) Nơi nhận khác (nếu có).

Mẫu số 15. Thông báo nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm hoàn chỉnh không có bao bì thương phẩm

**(1) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /.....

V/v thông báo nguyên liệu,
nhiên liệu, vật liệu, sản
phẩm hoàn chỉnh không có
bao bì thương phẩm

(Địa danh), ngày.... tháng.... năm.....

Kính gửi:..... (2).....

Tên tổ chức, cá nhân:

Địa chỉ:

Điện thoại..... Fax:

Email:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số..... ngày..... tháng..... năm..... tại

Lĩnh vực kinh doanh:

Giấy chứng nhận đăng ký mã số thuế số.....ngày..... tháng.....năm.....tại

Họ tên người đại diện pháp luật:.....Chức danh

CCCD/Hộ chiếu số:.....

Đơn vị cấp:..... ngày cấp

Thông báo nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm hoàn chỉnh không có bao bì thương phẩm, cụ thể như sau:

STT	Tên nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm hoàn chỉnh* không có bao bì thương phẩm	Mã HS	Mã CAS	Xuất xứ/ Nhà nhập khẩu hoặc sản xuất hoặc kinh doanh	Khối lượng nhập khẩu/ sản xuất/ kinh doanh (nếu có)	Tên và hàm lượng chất ô nhiễm khó phân hủy (từ phiếu an toàn hóa chất - MSDS hoặc giấy tờ khác)	Kết quả đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường tương ứng hoặc tiêu chuẩn quốc tế có liên quan**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

Lưu ý:

* Đối với sản phẩm hoàn chỉnh, nêu chi tiết các bộ phận có chứa chất ô nhiễm khó phân hủy;

** Gửi kèm bản sao kết quả đánh giá phù hợp đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường tương ứng hoặc tiêu chuẩn quốc tế có liên quan theo thông báo này.

Chúng tôi xin cam đoan rằng những thông tin cung cấp ở trên là đúng sự thật, nếu vi phạm sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Nơi nhận:

-... (4)...;

- Lưu:...

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

*(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/chữ ký
số của cơ quan, tổ chức)*

Họ và tên**Ghi chú:**

(1) Tổ chức, cá nhân nhập khẩu, sản xuất, kinh doanh nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm hoàn chỉnh không có bao bì thương phẩm;

(2) Bộ Tài nguyên và Môi trường;

(3) Thủ trưởng hoặc người đứng đầu tổ chức, cá nhân nhập khẩu, sản xuất, kinh doanh nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm hoàn chỉnh không có bao bì thương phẩm;

(4) Nơi nhận khác (nếu có).

PHỤ LỤC IV**MẪU BIỂU VỀ DỊCH VỤ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường)

Mẫu số 01. Quyết định thành lập hội đồng thẩm định điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường**(1)****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-.....

*(Địa danh), ngày... tháng.... năm....***QUYẾT ĐỊNH****Về việc thành lập Hội đồng thẩm định điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường của (2)****(3)**

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ (4);

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị của (2) tại Văn bản số... ngày... tháng... năm.... về việc đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động quan trắc môi trường cho (2);

Theo đề nghị của (5),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động quan trắc môi trường của (2), gồm các Ông (Bà) có tên sau đây:

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Nơi công tác	Chức danh trong Hội đồng thẩm định
1	...	...	...	Chủ tịch hội đồng
2	...	...	...	Phó Chủ tịch hội đồng
3	...	...	...	Thành viên thư ký
4	...	...	...	Thành viên.....
5	...	...	...	Thành viên.....

Điều 2. Hội đồng thẩm định có trách nhiệm thẩm định, đánh giá điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường của (2) trên cơ sở các hồ sơ, tài liệu có liên quan và kết quả kiểm tra, đánh giá thực tế làm căn cứ để cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

Điều 3...... (6).....

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký; (7), (5), thủ trưởng các đơn vị có liên quan và các thành viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Tên tổ chức đề nghị;
- Lưu:...

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
(chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/chữ ký số
của cơ quan, tổ chức)

Họ và tên

Ghi chú:

- (1) Cơ quan có thẩm quyền cấp phép;
- (2) Tên đầy đủ, chính xác của tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động quan trắc môi trường;
- (3) Thủ trưởng hoặc người đứng đầu của (1);
- (4) Tên đầy đủ của văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của (1);
- (5) Thủ trưởng hoặc người đứng đầu Cơ quan trực thuộc (1);
- (6) Quy định về chi phí cho hội đồng thẩm định;
- (7) Chức danh người đứng đầu của (2).

Mẫu số 02. Phiếu đánh giá, kiểm tra của thành viên hội đồng thẩm định điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường

(1)**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***(Địa danh), ngày... tháng... năm....***PHIẾU ĐÁNH GIÁ, KIỂM TRA THỰC TẾ TẠI TỔ CHỨC****I. THÔNG TIN CHUNG****1.1. Hội đồng thẩm định điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường:**

Thành lập theo Quyết định số:..... ngày... tháng... năm... của...(2)....

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan:.....

Chức danh trong Hội đồng:.....

1.2. Tổ chức đề nghị chứng nhận:

1.2.1. Tên tổ chức:.....

1.2.2. Địa chỉ:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

E-mail:..... Website:.....

1.2.3. Tên cơ quan chủ quản:.....

1.2.4. Đại diện tổ chức:.....

Thủ trưởng cơ quan:.....

Người đại diện:.....

1.3. Lĩnh vực đề nghị chứng nhận:

Quan trắc hiện trường

Phân tích môi trường

1.4. Phạm vi đề nghị chứng nhận:

a) Nước:

- Nước mặt

+ Số thông số lấy mẫu đề nghị chứng nhận:.....

+ Số thông số đo tại hiện trường đề nghị chứng nhận:.....

+ Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....

- Nước thải

+ Số thông số lấy mẫu đề nghị chứng nhận:.....

+ Số thông số đo tại hiện trường đề nghị chứng nhận:.....

+ Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....

- Nước dưới đất

+ Số thông số lấy mẫu đề nghị chứng nhận:.....

+ Số thông số đo tại hiện trường đề nghị chứng nhận:.....

+ Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....

- Nước mưa

+ Số thông số lấy mẫu đề nghị chứng nhận:.....

+ Số thông số đo tại hiện trường đề nghị chứng nhận:.....

+ Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....

- Nước biển

+ Số thông số lấy mẫu đề nghị chứng nhận:.....

+ Số thông số đo tại hiện trường đề nghị chứng nhận:.....

+ Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....

- Khác:.....

b) Khí:

- Không khí xung quanh

+ Số thông số lấy mẫu đề nghị chứng nhận:.....

+ Số thông số đo tại hiện trường đề nghị chứng nhận:.....

+ Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....

- Khí thải

+ Số thông số lấy mẫu đề nghị chứng nhận:.....

- + Số thông số đo tại hiện trường đề nghị chứng nhận:.....
- + Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....
- Khí thải phương tiện giao thông cơ giới đường bộ:
- + Số thông số đo khí thải phương tiện giao thông đường bộ đề nghị chứng nhận:.....

c) Đất

- + Số thông số lấy mẫu đề nghị chứng nhận:.....
- + Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....

d) Trầm tích

- + Số thông số lấy mẫu đề nghị chứng nhận:.....
- + Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....

đ) Chất thải

- + Số thông số lấy mẫu đề nghị chứng nhận:.....
- + Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....

e) Bùn

- + Số thông số lấy mẫu đề nghị chứng nhận:.....
- + Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....

g) Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa chất ô nhiễm khó phân hủy

- + Số thông số lấy mẫu đề nghị chứng nhận:.....
- + Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....

II. NỘI DUNG KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ VỀ ĐIỀU KIỆN QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

2.1. Đánh giá về nhân lực thực hiện quan trắc hiện trường, quan trắc khí thải phương tiện giao thông cơ giới đường bộ (có đối chiếu với Hồ sơ năng lực của tổ chức đề nghị chứng nhận)

2.1.1. Người phụ trách đội quan trắc hiện trường

Đạt yêu cầu ☐

Không đạt yêu cầu ☐

- Lý do:.....

.....

- Ý kiến khác nếu có (ghi rõ):.....

.....

2.1.2. Cán bộ thực hiện quan trắc hiện trường

Đạt yêu cầu ☐

Không đạt yêu cầu ☐

- Lý do:.....

.....

- Ý kiến khác nếu có (ghi rõ):.....

.....

2.2. Đánh giá về chuyên môn, trang thiết bị và cơ sở vật chất thực hiện quan trắc hiện trường, quan trắc khí thải phương tiện giao thông cơ giới đường bộ (có đối chiếu với Hồ sơ năng lực của tổ chức đề nghị chứng nhận)

2.2.1. Phương pháp quan trắc hiện trường

Đạt yêu cầu ☐

Không đạt yêu cầu ☐

- Lý do:.....

.....

- Ý kiến khác nếu có (ghi rõ):.....

.....

2.2.2. Trang thiết bị quan trắc hiện trường, khí thải phương tiện giao thông cơ giới đường bộ

Đạt yêu cầu ☐

Không đạt yêu cầu ☐

- Lý do:.....

.....

- Ý kiến khác nếu có (ghi rõ):.....

.....

2.2.3. Công cụ, dụng cụ phục vụ quan trắc hiện trường, khí thải phương tiện giao thông cơ giới đường bộ

Đạt yêu cầu ☐

Không đạt yêu cầu ☐

- Lý do:.....

.....

- Ý kiến khác nếu có (ghi rõ):.....

.....

2.2.4. Hóa chất phục vụ quan trắc hiện trường, khí thải phương tiện giao thông cơ giới đường bộ

Đạt yêu cầu ☐

Không đạt yêu cầu ☐

- Lý do:.....

.....

.....

.....

- Ý kiến khác nếu có (ghi rõ):.....

.....

2.2.5. Điều kiện phòng bảo quản thiết bị quan trắc hiện trường, khí thải phương tiện giao thông cơ giới đường bộ

Đạt yêu cầu ☐

Không đạt yêu cầu ☐

- Lý do:.....

.....

.....

- Ý kiến khác nếu có (ghi rõ):.....

.....

2.2.6. Các phương tiện bảo hộ và an toàn lao động

Đạt yêu cầu ☐

Không đạt yêu cầu ☐

- Lý do:.....

.....

- Ý kiến khác nếu có (ghi rõ):.....

.....

2.2.7. Các tài liệu kèm theo (Sổ tay chất lượng; Quy trình thao tác chuẩn; Quy trình sử dụng, vận hành, bảo quản, bảo dưỡng, hiệu chuẩn trang thiết bị)

Đạt yêu cầu ☐

Không đạt yêu cầu ☐

- Lý do:.....

.....

.....

- Ý kiến khác nếu có (ghi rõ):.....

.....

.....

2.2.8. Các tài liệu, bằng chứng tham gia các chương trình thử nghiệm thành thạo

Có ☐

Không ☐

- Ý kiến nhận xét, đánh giá (nếu có):.....

.....

.....

2.2.9. Các tài liệu liên quan khác

Có ☐

Không ☐

- Ý kiến nhận xét, đánh giá (nếu có):.....

.....

.....

III. NỘI DUNG KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ VỀ ĐIỀU KIỆN PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

3.1. Đánh giá về nhân lực thực hiện phân tích môi trường (có đối chiếu với Hồ sơ năng lực của tổ chức đề nghị chứng nhận)

3.1.1. Người quản lý phòng thí nghiệm

Đạt yêu cầu ☐

Không đạt yêu cầu ☐

- Lý do:.....

.....

Ý kiến khác nếu có (ghi rõ):.....

.....

3.1.2. Cán bộ QA/QC

Đạt yêu cầu ☐Không đạt yêu cầu ☐

- Lý do:.....

.....

- Ý kiến khác nếu có (ghi rõ):.....

.....

3.1.3. Cán bộ phòng thí nghiệm

Đạt yêu cầu ☐Không đạt yêu cầu ☐

- Lý do:.....

.....

- Ý kiến khác nếu có (ghi rõ):.....

.....

3.2. Đánh giá về chuyên môn, trang thiết bị và cơ sở vật chất thực hiện phân tích môi trường (có đối chiếu với Hồ sơ năng lực của tổ chức đề nghị chứng nhận)

3.2.1. Phương pháp phân tích môi trường

Đạt yêu cầu ☐Không đạt yêu cầu ☐

- Lý do:.....

.....

- Ý kiến khác nếu có (ghi rõ):.....

.....

3.2.2. Trang thiết bị phân tích môi trường

Đạt yêu cầu ☐Không đạt yêu cầu ☐

- Lý do:.....

.....

- Ý kiến khác nếu có (ghi rõ):.....

.....

3.2.3. Công cụ, dụng cụ phục vụ phân tích môi trường

Đạt yêu cầu ☐Không đạt yêu cầu ☐

- Lý do:.....

.....

- Ý kiến khác nếu có (ghi rõ):.....

.....

3.2.4. Hóa chất phục vụ phân tích môi trường

Đạt yêu cầu ☐Không đạt yêu cầu ☐

- Lý do:.....

.....

- Ý kiến khác nếu có (ghi rõ):.....

.....

3.2.5. Điều kiện về diện tích phòng thí nghiệm và các khu vực chức năng theo quy định

Đạt yêu cầu ☐Không đạt yêu cầu ☐

- Lý do:.....

.....

- Ý kiến khác nếu có (ghi rõ):.....

.....

3.2.6. Điều kiện môi trường phòng thí nghiệm

Đạt yêu cầu ☐Không đạt yêu cầu ☐

- Lý do:.....

.....

- Ý kiến khác nếu có (ghi rõ):.....

.....

3.2.7. Các biện pháp bảo đảm vệ sinh công nghiệp, an toàn phòng cháy chữa cháy, thu gom, xử lý chất thải phòng thí nghiệm

Đạt yêu cầu ☐Không đạt yêu cầu ☐

- Lý do:.....

.....

- Ý kiến khác nếu có (ghi rõ):.....

.....

3.2.8. Các phương tiện bảo hộ và an toàn lao động

Đạt yêu cầu ☐

Không đạt yêu cầu ☐

- Lý do:.....

.....

.....

- Ý kiến khác nếu có (ghi rõ):.....

.....

3.2.9. Các tài liệu kèm theo (Sổ tay chất lượng; Quy trình thao tác chuẩn; Quy trình sử dụng, vận hành, bảo quản, bảo dưỡng, hiệu chuẩn trang thiết bị; Quy trình bảo quản, sử dụng hóa chất, chất chuẩn; Quy trình xử lý, lưu mẫu phân tích)

Đạt yêu cầu ☐

Không đạt yêu cầu ☐

- Lý do:.....

.....

.....

- Ý kiến khác nếu có (ghi rõ):.....

.....

3.2.10. Tổ chức đã được công nhận ISO/IEC 17025 (hoặc các tiêu chuẩn quốc tế tương đương) cho hoạt động thử nghiệm vẫn còn hiệu lực

Có ☐

Không ☐

- Ý kiến nhận xét, đánh giá (nếu có):

.....

.....

3.2.11. Các tài liệu, bằng chứng tham gia các chương trình thử nghiệm thành thạo

Có ☐

Không ☐

- Ý kiến nhận xét, đánh giá (nếu có):

.....
.....

3.2.12. Các tài liệu liên quan khác

Có ☐

Không ☐

- Ý kiến nhận xét, đánh giá (nếu có):

.....
.....

IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

4.1. Kết luận:

.....
.....

4.2. Kiến nghị:

.....

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

(Chữ ký)

Họ và tên

Ghi chú:

(1) Cơ quan cấp giấy giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

(2) Thủ trưởng hoặc người đứng đầu Cơ quan cấp/điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

Mẫu số 03. Biên bản đánh giá, kiểm tra tại tổ chức hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường

...(1)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***(Địa danh), ngày... tháng... năm...***BIÊN BẢN****Đánh giá, kiểm tra thực tế tại tổ chức****I. THÔNG TIN CHUNG****1.1. Hội đồng thẩm định điều kiện của tổ chức hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường:**

Thành lập theo Quyết định số:... ngày... tháng... năm... của...(2)..., gồm:

.....

.....

.....

1.2. Tổ chức đề nghị chứng nhận:

1.2.1. Tên tổ chức:.....

1.2.2. Địa chỉ:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

E-mail:..... Website:.....

1.2.3. Tên cơ quan chủ quản:.....

1.2.4. Đại diện tổ chức:

Thủ trưởng cơ quan:.....

Người đại diện:.....

1.3. Lĩnh vực đề nghị chứng nhận:Quan trắc hiện trường ☐Phân tích môi trường ☐**1.4. Phạm vi đề nghị chứng nhận:**

a) Nước:

- Nước mặt

+ Số thông số lấy mẫu đề nghị chứng nhận:.....

+ Số thông số đo tại hiện trường đề nghị chứng nhận:.....

+ Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....

- Nước thải

+ Số thông số lấy mẫu đề nghị chứng nhận:.....

+ Số thông số đo tại hiện trường đề nghị chứng nhận:.....

+ Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....

- Nước dưới đất

+ Số thông số lấy mẫu đề nghị chứng nhận:.....

+ Số thông số đo tại hiện trường đề nghị chứng nhận:.....

+ Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....

- Nước mưa

+ Số thông số lấy mẫu đề nghị chứng nhận:.....

+ Số thông số đo tại hiện trường đề nghị chứng nhận:.....

+ Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....

- Nước biển

+ Số thông số lấy mẫu đề nghị chứng nhận:.....

+ Số thông số đo tại hiện trường đề nghị chứng nhận:.....

+ Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....

- Khác:.....

b) Khí:

- Không khí xung quanh

+ Số thông số lấy mẫu đề nghị chứng nhận:.....

+ Số thông số đo tại hiện trường đề nghị chứng nhận:.....

+ Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....

- Khí thải

+ Số thông số lấy mẫu đề nghị chứng nhận:.....

+ Số thông số đo tại hiện trường đề nghị chứng nhận:.....

+ Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....

- Khí thải phương tiện giao thông cơ giới đường bộ:

+ Số thông số đo khí thải phương tiện giao thông đường bộ đề nghị chứng nhận:.....

c) Đất

+ Số thông số lấy mẫu đề nghị chứng nhận:.....

+ Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....

d) Trầm tích

+ Số thông số lấy mẫu đề nghị chứng nhận:.....

+ Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....

đ) Chất thải

+ Số thông số lấy mẫu đề nghị chứng nhận:.....

+ Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....

e) Bùn

+ Số thông số lấy mẫu đề nghị chứng nhận:.....

+ Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....

g) Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa chất ô nhiễm khó phân hủy

+ Số thông số lấy mẫu đề nghị chứng nhận:.....

+ Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....

II. NỘI DUNG KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ VỀ ĐIỀU KIỆN QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

2.1. Đánh giá về nhân lực thực hiện quan trắc hiện trường, quan trắc khí thải phương tiện giao thông cơ giới đường bộ (có đối chiếu với Hồ sơ năng lực của tổ chức đề nghị chứng nhận)

2.1.1. Người phụ trách đội quan trắc hiện trường, quản lý, phụ trách bảo đảm chất lượng hoạt động quan trắc khí thải phương tiện giao thông

Đạt yêu cầu ☐

Không đạt yêu cầu ☐

- Lý do:.....

.....

- Ý kiến khác nếu có (ghi rõ):.....

2.1.2. Cán bộ thực hiện quan trắc hiện trường

Đạt yêu cầu ☐

Không đạt yêu cầu ☐

- Lý do:.....

.....

- Ý kiến khác nếu có (ghi rõ):.....

2.2. Đánh giá về chuyên môn, trang thiết bị và cơ sở vật chất thực hiện quan trắc hiện trường, quan trắc khí thải phương tiện giao thông cơ giới đường bộ (có đối chiếu với Hồ sơ năng lực của tổ chức đề nghị chứng nhận)

2.2.1. Phương pháp quan trắc hiện trường

Đạt yêu cầu ☐

Không đạt yêu cầu ☐

- Lý do:.....

.....

- Ý kiến khác nếu có (ghi rõ):.....

2.2.2. Trang thiết bị quan trắc hiện trường, khí thải phương tiện giao thông cơ giới đường bộ

Đạt yêu cầu ☐

Không đạt yêu cầu ☐

- Lý do:.....

.....

- Ý kiến khác nếu có (ghi rõ):.....

2.2.3. Công cụ, dụng cụ phục vụ quan trắc hiện trường, khí thải phương tiện giao thông cơ giới đường bộ

Đạt yêu cầu ☐

Không đạt yêu cầu ☐

- Lý do:.....

.....

- Ý kiến khác nếu có (ghi rõ):.....

2.2.4. Hóa chất phục vụ quan trắc hiện trường, khí thải phương tiện giao thông cơ giới đường bộ (nếu có)

Đạt yêu cầu ☐

Không đạt yêu cầu ☐

- Lý do:.....

.....

- Ý kiến khác nếu có (ghi rõ):.....

2.2.5. Điều kiện phòng bảo quản thiết bị quan trắc hiện trường

Đạt yêu cầu ☐

Không đạt yêu cầu ☐

- Lý do:.....

.....

- Ý kiến khác nếu có (ghi rõ):.....

2.2.6. Các phương tiện bảo hộ và an toàn lao động

Đạt yêu cầu ☐

Không đạt yêu cầu ☐

- Lý do:.....

.....

- Ý kiến khác nếu có (ghi rõ):.....

2.2.7. Các tài liệu kèm theo (Sổ tay chất lượng; Quy trình thao tác chuẩn; Quy trình sử dụng, vận hành, bảo quản, bảo dưỡng, hiệu chuẩn trang thiết bị)

Đạt yêu cầu ☐

Không đạt yêu cầu ☐

- Lý do:.....

.....

- Ý kiến khác nếu có (ghi rõ):.....

2.2.8. Các tài liệu, bằng chứng tham gia các chương trình thử nghiệm thành thạo

Có ☐

Không ☐

- Ý kiến khác nếu có (ghi rõ):.....

.....

2.2.9. Các tài liệu liên quan khác

Có ☐

Không ☐

- Ý kiến khác nếu có (ghi rõ):.....

.....

III. NỘI DUNG KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ VỀ ĐIỀU KIỆN PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

3.1. Đánh giá về nhân lực thực hiện phân tích môi trường (có đối chiếu với Hồ sơ năng lực của tổ chức đề nghị chứng nhận)

3.1.1. Người quản lý phòng thí nghiệm

Đạt yêu cầu ☐

Không đạt yêu cầu ☐

- Lý do:.....

.....

- Ý kiến khác nếu có (ghi rõ):.....

3.1.2. Cán bộ QA/QC

Đạt yêu cầu ☐

Không đạt yêu cầu ☐

- Lý do:.....

.....

- Ý kiến khác nếu có (ghi rõ):.....

3.1.3. Cán bộ phòng thí nghiệm

Đạt yêu cầu ☐

Không đạt yêu cầu ☐

- Lý do:.....

.....

- Ý kiến khác nếu có (ghi rõ):.....

3.2. Đánh giá về chuyên môn, trang thiết bị và cơ sở vật chất thực hiện phân tích môi trường (có đối chiếu với Hồ sơ năng lực của tổ chức đề nghị chứng nhận)

3.2.1. Phương pháp phân tích môi trường

Đạt yêu cầu ☐

Không đạt yêu cầu ☐

- Lý do:.....

.....

- Ý kiến khác nếu có (ghi rõ):.....

3.2.2. Trang thiết bị phân tích môi trường

Đạt yêu cầu ☐Không đạt yêu cầu ☐

- Lý do:.....

.....

- Ý kiến khác nếu có (ghi rõ):.....

3.2.3. Công cụ, dụng cụ phục vụ phân tích môi trường

Đạt yêu cầu ☐Không đạt yêu cầu ☐

- Lý do:.....

.....

- Ý kiến khác nếu có (ghi rõ):.....

3.2.4. Hóa chất phục vụ phân tích môi trường

Đạt yêu cầu ☐Không đạt yêu cầu ☐

- Lý do:.....

.....

- Ý kiến khác nếu có (ghi rõ):.....

3.2.5. Điều kiện về diện tích phòng thí nghiệm và các khu vực chức năng theo quy định

Đạt yêu cầu ☐Không đạt yêu cầu ☐

- Lý do:.....

.....

- Ý kiến khác nếu có (ghi rõ):.....

3.2.6. Điều kiện môi trường phòng thí nghiệm

Đạt yêu cầu ☐Không đạt yêu cầu ☐

- Lý do:.....

.....

- Ý kiến khác nếu có (ghi rõ):.....

3.2.7. Các biện pháp bảo đảm vệ sinh công nghiệp, an toàn phòng cháy chữa cháy, thu gom, xử lý chất thải phòng thí nghiệm

Đạt yêu cầu ☐Không đạt yêu cầu ☐

- Lý do:.....

.....

- Ý kiến khác nếu có (ghi rõ):.....

3.2.8. Các phương tiện bảo hộ và an toàn lao động

Đạt yêu cầu ☐Không đạt yêu cầu ☐

- Lý do:.....

.....

- Ý kiến khác nếu có (ghi rõ):.....

3.2.9. Các tài liệu kèm theo (Sổ tay chất lượng; Quy trình thao tác chuẩn; Quy trình sử dụng, vận hành, bảo quản, bảo dưỡng, hiệu chuẩn trang thiết bị; Quy trình bảo quản, sử dụng hóa chất, chất chuẩn; Quy trình xử lý, lưu mẫu phân tích)

Đạt yêu cầu ☐Không đạt yêu cầu ☐

- Lý do:.....

.....

- Ý kiến khác nếu có (ghi rõ):.....

3.2.10. Tổ chức đã được công nhận ISO/IEC 17025 (hoặc các tiêu chuẩn quốc tế tương đương) cho hoạt động thử nghiệm vẫn còn hiệu lực

Có ☐Không ☐

- Ý kiến khác nếu có (ghi rõ):.....

.....

3.2.11. Các tài liệu, bằng chứng tham gia các chương trình thử nghiệm thành thạo

Có ☐Không ☐

- Ý kiến khác nếu có (ghi rõ):.....

.....

3.2.12. Các tài liệu liên quan khác

Có ☐Không ☐

- Ý kiến khác nếu có (ghi rõ):.....

IV. KIẾN NGHỊ CỦA TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CHỨNG NHẬN (nếu có)

V. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ SAU KHI KIỂM TRA TẠI TỔ CHỨC

5.1. Kết luận

☐ Tổ chức không đảm bảo điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

Lý do:.....

☐ Tổ chức đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

☐ Tổ chức đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường sau khi hoàn thiện hồ sơ theo yêu cầu cụ thể tại Phụ lục kèm theo biên bản.

Phạm vi được chứng nhận:

a) Nước:

- Nước mặt

+ Số thông số lấy mẫu đề nghị chứng nhận:.....

+ Số thông số đo tại hiện trường đề nghị chứng nhận:.....

+ Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....

- Nước thải

+ Số thông số lấy mẫu đề nghị chứng nhận:.....

+ Số thông số đo tại hiện trường đề nghị chứng nhận:.....

+ Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....

- Nước dưới đất

+ Số thông số lấy mẫu đề nghị chứng nhận:.....

+ Số thông số đo tại hiện trường đề nghị chứng nhận:.....

+ Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....

- Nước mưa

+ Số thông số lấy mẫu đề nghị chứng nhận:.....

+ Số thông số đo tại hiện trường đề nghị chứng nhận:.....

+ Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....

- Nước biển

+ Số thông số lấy mẫu đề nghị chứng nhận:.....

+ Số thông số đo tại hiện trường đề nghị chứng nhận:.....

+ Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....

- Khác:.....

b) Khí:

- Không khí xung quanh

+ Số thông số lấy mẫu đề nghị chứng nhận:.....

+ Số thông số đo tại hiện trường đề nghị chứng nhận:.....

+ Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....

- Khí thải

+ Số thông số lấy mẫu đề nghị chứng nhận:.....

+ Số thông số đo tại hiện trường đề nghị chứng nhận:.....

+ Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....

- Khí thải phương tiện giao thông cơ giới đường bộ:

+ Số thông số đo khí thải phương tiện giao thông đường bộ đề nghị chứng nhận:.....

c) Đất

+ Số thông số lấy mẫu đề nghị chứng nhận:.....

+ Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....

d) Trầm tích

+ Số thông số lấy mẫu đề nghị chứng nhận:.....

+ Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....

đ) Chất thải

+ Số thông số lấy mẫu đề nghị chứng nhận:.....

+ Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....

e) Bùn

+ Số thông số lấy mẫu đề nghị chứng nhận:.....

+ Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....

g) Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa chất ô nhiễm khó phân hủy

+ Số thông số lấy mẫu đề nghị chứng nhận:.....

+ Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....

5.2. Kiến nghị

.....

(Địa danh), ngày... tháng... năm...

THÀNH PHẦN ĐÁNH GIÁ, KIỂM TRA TẠI TỔ CHỨC

Họ và tên, học hàm, học vị	Cơ quan	Chữ ký

ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC

(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu của tổ chức)

Họ và tên**Ghi chú:**

(1) Cơ quan cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

(2) Thủ trưởng hoặc người đứng đầu Cơ quan cấp/điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

PHỤ LỤC
KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ THỰC TẾ ĐỐI VỚI PHẠM VI ĐỀ NGHỊ CHỨNG NHẬN

[Tên nền mẫu môi trường]

- Đo đạc tại hiện trường:

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo	Kết quả đánh giá			Lý do
				Đạt	Khắc phục	Không đạt	
1							
2							
...							

- Lấy và bảo quản mẫu:

TT	Loại mẫu	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Kết quả đánh giá			Lý do
			Đạt	Khắc phục	Không đạt	
1						
2						
...						

- Xử lý và phân tích mẫu môi trường:

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo	Kết quả đánh giá			Lý do
				Đạt	Khắc phục	Không đạt	
1							
2							
3							
..							

Mẫu số 04. Bản nhận xét của thành viên hội đồng thẩm định điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường

...(1)...
**HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH ĐIỀU
KIỆN CỦA TỔ CHỨC HOẠT
ĐỘNG DỊCH VỤ QUAN TRẮC
MÔI TRƯỜNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Địa danh), ngày... tháng... năm...

BẢN NHẬN XÉT
Điều kiện của tổ chức hoạt động
dịch vụ quan trắc môi trường

Họ và tên:

Học hàm, học vị:

Chức vụ:

Cơ quan:

Chức danh trong Hội đồng thẩm định:

I. THÔNG TIN CHUNG

1.1. Tổ chức đề nghị chứng nhận:

1.1.1. Tên tổ chức:.....

1.1.2. Tên cơ quan chủ quản:.....

1.1.3. Đại diện tổ chức:

- Thủ trưởng cơ quan:.....

- Người đại diện:.....

1.1.4. Địa chỉ trụ sở chính:.....

1.1.5. Lĩnh vực đề nghị chứng nhận:.....

Quan trắc hiện trường ☐

Phân tích môi trường ☐

1.1.6. Phạm vi đề nghị chứng nhận:

a) Nước:

- Nước mặt

+ Số thông số lấy mẫu đề nghị chứng nhận:.....

+ Số thông số đo tại hiện trường đề nghị chứng nhận:.....

+ Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....

- Nước thải

+ Số thông số lấy mẫu đề nghị chứng nhận:.....

+ Số thông số đo tại hiện trường đề nghị chứng nhận:.....

+ Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....

- Nước dưới đất

+ Số thông số lấy mẫu đề nghị chứng nhận:.....

+ Số thông số đo tại hiện trường đề nghị chứng nhận:.....

+ Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....

- Nước mưa

+ Số thông số lấy mẫu đề nghị chứng nhận:.....

+ Số thông số đo tại hiện trường đề nghị chứng nhận:.....

+ Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....

- Nước biển

+ Số thông số lấy mẫu đề nghị chứng nhận:.....

+ Số thông số đo tại hiện trường đề nghị chứng nhận:.....

+ Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....

- Khác:.....

b) Khí:

- Không khí xung quanh

+ Số thông số lấy mẫu đề nghị chứng nhận:.....

+ Số thông số đo tại hiện trường đề nghị chứng nhận:.....

+ Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....

- Khí thải

+ Số thông số lấy mẫu đề nghị chứng nhận:.....

+ Số thông số đo tại hiện trường đề nghị chứng nhận:.....

+ Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....

- Khí thải phương tiện giao thông cơ giới đường bộ:

+ Số thông số đo khí thải phương tiện giao thông đường bộ đề nghị chứng nhận:.....

c) Đất

+ Số thông số lấy mẫu đề nghị chứng nhận:.....

+ Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....

d) Trầm tích

+ Số thông số lấy mẫu đề nghị chứng nhận:.....

+ Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....

đ) Chất thải

+ Số thông số lấy mẫu đề nghị chứng nhận:.....

+ Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....

e) Bùn

+ Số thông số lấy mẫu đề nghị chứng nhận:.....

+ Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....

g) Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa chất ô nhiễm khó phân hủy

+ Số thông số lấy mẫu đề nghị chứng nhận:.....

+ Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....

II. ĐÁNH GIÁ ĐIỀU KIỆN QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG ĐỐI VỚI THÀNH PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ THÔNG SỐ QUAN TRẮC ĐỀ NGHỊ CHỨNG NHẬN

2.1. Đánh giá chung

2.1.1. Có Quyết định thành lập/Giấy chứng nhận hoạt động khoa học và công nghệ/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp

Có ☐

Không ☐

- Nhận xét (nếu có):.....

.....

2.2. Đánh giá điều kiện về nhân lực thực hiện quan trắc hiện trường, quan trắc khí thải phương tiện giao thông cơ giới đường bộ

2.2.1. Người phụ trách đội quan trắc hiện trường

Đạt yêu cầu ☐

Không đạt yêu cầu ☐

- Lý do:.....

.....

- Ý kiến khác nếu có (ghi rõ):.....

.....

2.2.2. Cán bộ thực hiện quan trắc hiện trường

Đạt yêu cầu ☐

Không đạt yêu cầu ☐

- Lý do:.....

.....

- Ý kiến khác nếu có (ghi rõ):.....

.....

2.3. Đánh giá về chuyên môn, trang thiết bị và cơ sở vật chất thực hiện quan trắc hiện trường, quan trắc khí thải phương tiện giao thông cơ giới đường bộ (có đối chiếu với Hồ sơ năng lực của tổ chức đề nghị chứng nhận)

2.3.1. Phương pháp quan trắc hiện trường

Đạt yêu cầu ☐Không đạt yêu cầu ☐

- Lý do:.....

.....

- Ý kiến khác nếu có (ghi rõ):.....

.....

2.3.2. Trang thiết bị quan trắc hiện trường, quan trắc khí thải phương tiện giao thông cơ giới đường bộ

Đạt yêu cầu ☐Không đạt yêu cầu ☐

- Lý do:.....

.....

- Ý kiến khác nếu có (ghi rõ):.....

.....

2.3.3. Công cụ, dụng cụ phục vụ quan trắc hiện trường, quan trắc khí thải phương tiện giao thông cơ giới đường bộ

Đạt yêu cầu ☐Không đạt yêu cầu ☐

- Lý do:.....

.....

- Ý kiến khác nếu có (ghi rõ):.....

.....

2.3.4. Hóa chất phục vụ quan trắc hiện trường, khí thải phương tiện giao thông cơ giới đường bộ

Đạt yêu cầu ☐Không đạt yêu cầu ☐

- Lý do:.....

.....

- Ý kiến khác nếu có (ghi rõ):.....

.....

2.3.5. Điều kiện phòng bảo quản thiết bị quan trắc hiện trường, khí thải phương tiện giao thông cơ giới đường bộ

Đạt yêu cầu ☐

Không đạt yêu cầu ☐

- Lý do:.....

.....

- Ý kiến khác nếu có (ghi rõ):.....

.....

2.3.6. Các phương tiện bảo hộ và an toàn lao động

Đạt yêu cầu ☐

Không đạt yêu cầu ☐

- Lý do:.....

.....

- Ý kiến khác nếu có (ghi rõ):.....

.....

2.3.7. Các tài liệu kèm theo (Sổ tay chất lượng; Quy trình thao tác chuẩn; Quy trình sử dụng, vận hành, bảo quản, bảo dưỡng, hiệu chuẩn trang thiết bị)

Đạt yêu cầu ☐

Không đạt yêu cầu ☐

- Lý do:.....

.....

- Ý kiến khác nếu có (ghi rõ):.....

.....

2.3.8. Các tài liệu, bằng chứng tham gia các chương trình thử nghiệm thành thạo

Có ☐

Không ☐

- Ý kiến nhận xét, đánh giá (nếu có):

.....

.....

.....

.....

2.3.9. Các tài liệu có liên quan khác

Có ☐Không ☐

- Ý kiến nhận xét, đánh giá (nếu có):

.....

.....

III. ĐÁNH GIÁ ĐIỀU KIỆN PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THÀNH PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ THÔNG SỐ QUAN TRẮC ĐỀ NGHỊ CHỨNG NHẬN

3.1. Đánh giá chung

Có Quyết định thành lập/Giấy chứng nhận hoạt động khoa học và công nghệ/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp

Có ☐Không ☐

- Nhận xét (nếu có):.....

.....

3.2. Đánh giá về nhân lực thực hiện phân tích môi trường

3.2.1. Người quản lý phòng thí nghiệm

Đạt yêu cầu ☐Không đạt yêu cầu ☐

- Lý do:.....

.....

- Ý kiến khác nếu có (ghi rõ):.....

.....

3.2.2. Cán bộ QA/QC

Đạt yêu cầu ☐Không đạt yêu cầu ☐

- Lý do:.....

.....

- Ý kiến khác nếu có (ghi rõ):.....

.....

3.2.3. Cán bộ phòng thí nghiệm

Đạt yêu cầu ☐

Không đạt yêu cầu ☐

- Lý do:.....

.....

- Ý kiến khác nếu có (ghi rõ):.....

.....

3.3. Đánh giá về chuyên môn, trang thiết bị và cơ sở vật chất thực hiện phân tích môi trường

3.3.1. Phương pháp phân tích môi trường

Đạt yêu cầu ☐

Không đạt yêu cầu ☐

- Lý do:.....

.....

- Ý kiến khác nếu có (ghi rõ):.....

.....

3.3.2. Trang thiết bị phân tích môi trường

Đạt yêu cầu ☐

Không đạt yêu cầu ☐

- Lý do:.....

.....

- Ý kiến khác nếu có (ghi rõ):.....

.....

3.3.3. Công cụ, dụng cụ phân tích môi trường

Đạt yêu cầu ☐

Không đạt yêu cầu ☐

- Lý do:.....

.....

- Ý kiến khác nếu có (ghi rõ):.....

.....

3.3.4. Hóa chất phục vụ phân tích môi trường

Đạt yêu cầu ☐

Không đạt yêu cầu ☐

- Lý do:.....

.....

- Ý kiến khác nếu có (ghi rõ):.....

.....

3.3.5. Điều kiện về trụ sở, diện tích phòng thí nghiệm và các khu vực chức năng theo quy định

Đạt yêu cầu ☐

Không đạt yêu cầu ☐

- Lý do:.....

.....

- Ý kiến khác nếu có (ghi rõ):.....

.....

3.3.6. Điều kiện môi trường phòng thí nghiệm

Đạt yêu cầu ☐

Không đạt yêu cầu ☐

- Lý do:.....

.....

- Ý kiến khác nếu có (ghi rõ):.....

.....

3.3.7. Các biện pháp bảo đảm vệ sinh công nghiệp, an toàn phòng cháy chữa cháy, thu gom, xử lý chất thải phòng thí nghiệm

Đạt yêu cầu ☐

Không đạt yêu cầu ☐

- Lý do:.....

.....

- Ý kiến khác nếu có (ghi rõ):.....

.....

3.3.8. Các phương tiện bảo hộ và an toàn lao động

Đạt yêu cầu ☐

Không đạt yêu cầu ☐

- Lý do:.....

.....

- Ý kiến khác nếu có (ghi rõ):.....

.....

3.3.9. Các tài liệu kèm theo (Sổ tay chất lượng; Quy trình thao tác chuẩn; Quy trình sử dụng, vận hành, bảo quản, bảo dưỡng, hiệu chuẩn trang thiết bị; Quy trình bảo quản, sử dụng hóa chất, chất chuẩn; Quy trình xử lý, lưu mẫu phân tích)

Đạt yêu cầu ☐

Không đạt yêu cầu ☐

- Lý do:.....

.....

- Ý kiến khác nếu có (ghi rõ):.....

.....

3.3.10. Tổ chức đã được công nhận ISO/IEC 17025 (hoặc các tiêu chuẩn quốc tế tương đương) cho hoạt động thử nghiệm vẫn còn hiệu lực

Có ☐

Không ☐

- Ý kiến nhận xét, đánh giá (nếu có):.....

.....

3.3.11. Các tài liệu, bằng chứng tham gia các chương trình thử nghiệm thành thạo

Có ☐

Không ☐

- Ý kiến nhận xét, đánh giá (nếu có):.....

.....

3.3.12. Các tài liệu có liên quan khác

Có ☐

Không ☐

- Ý kiến nhận xét, đánh giá (nếu có):.....

.....

IV. Nhận xét, đánh giá chung của thành viên Hội đồng về tổ chức đề nghị chứng nhận

.....

.....

.....

.....

.....

V. Kết luận và đề nghị

Đạt yêu cầu ☐

Không đạt yêu cầu ☐

- Lý do:.....

.....

.....

.....

ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG

(Chữ ký)

Họ và tên

Ghi chú:

(1) Cơ quan cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

Mẫu số 05. Phiếu đánh giá, thẩm định tại phiên họp chính thức của hội đồng thẩm định điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường

...(1)...
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH ĐIỀU
KIỆN CỦA TỔ CHỨC HOẠT
ĐỘNG DỊCH VỤ QUAN TRẮC
MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
(Địa danh), ngày... tháng... năm...

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ, THẨM ĐỊNH ĐIỀU KIỆN CỦA TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG
DỊCH VỤ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG**

Họ và tên:

Học hàm, học vị:

Chức vụ:

Cơ quan:

Chức danh trong Hội đồng thẩm định:

I. Thông tin chung

1.1. Tổ chức đề nghị chứng nhận:

1.1.1. Tên tổ chức:.....

1.1.2. Tên cơ quan chủ quản:.....

1.1.3. Đại diện tổ chức:

- Thủ trưởng cơ quan:.....

- Người đại diện:.....

1.1.4. Địa chỉ trụ sở chính:.....

II. Ý kiến đánh giá, thẩm định

2.1. Lĩnh vực đề nghị chứng nhận:

Quan trắc hiện trường ☐

Phân tích môi trường ☐

2.2. Phạm vi đề nghị chứng nhận

- Phạm vi đề nghị chứng nhận: theo Bản nhận xét điều kiện của Tổ chức hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

- Ý kiến khác về phạm vi đề nghị chứng nhận:.....

.....

III. Những ý kiến nhận xét khác

.....

.....

.....

IV. Kết luận và đề nghị

Đạt yêu cầu ☐

Không đạt yêu cầu ☐

- Lý do:.....

.....

.....

.....

.....

ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG

(Chữ ký)

Họ và tên

Ghi chú:

(1) Cơ quan cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường

Mẫu số 06. Biên bản phiên họp của hội đồng thẩm định điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường

(1) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
ĐIỀU KIỆN CỦA TỔ CHỨC
HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ QUAN (Địa danh), ngày... tháng... năm...
TRẮC MÔI TRƯỜNG

BIÊN BẢN
Họp hội đồng thẩm định điều kiện của tổ chức
hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường

I. THÔNG TIN CHUNG

1.1. Tổ chức đề nghị chứng nhận:

1.1.1. Tên tổ chức:.....

1.1.2. Cơ quan chủ quản:.....

1.1.3. Người đứng đầu tổ chức:.....

1.1.4. Địa chỉ:.....

1.2. Hội đồng thẩm định điều kiện của tổ chức hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường:

Thành lập theo Quyết định số... ngày... tháng... năm... của...(2)....

1.3. Địa điểm và thời gian họp Hội đồng:

- Địa điểm:.....

- Thời gian: Ngày... tháng... năm...

1.4. Số thành viên Hội đồng có mặt trên tổng số thành viên:../... người.

Vắng mặt:... người, gồm các thành viên.....

1.5. Khách mời tham dự họp Hội đồng:

Khách mời tham dự họp gồm... đại biểu, cụ thể:

.....

II. NỘI DUNG LÀM VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG

2.1. Hội đồng thống nhất phương thức làm việc.

2.2. Hội đồng đã thảo luận, nhận định đánh giá khái quát về mặt mạnh, mặt yếu của từng tổ chức theo các điều kiện đã quy định.

2.3. Hội đồng đã nghe báo cáo nhận xét hồ sơ của cơ quan thẩm định; kết quả kiểm tra đánh giá thực tế tại Tổ chức.

2.4. Hội đồng đã nghe các Ủy viên phản biện nhận xét, đánh giá điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường của tổ chức đề nghị chứng nhận.

2.5. Hội đồng đã nghe các ý kiến nhận xét của từng Ủy viên.

2.6. Hội đồng đã nêu câu hỏi đối với đại diện Tổ chức, nêu câu hỏi đối với Ủy viên phản biện về từng điều kiện đã được quy định.

2.7. Hội đồng đã tiến hành thảo luận, phân tích, đánh giá điều kiện hoạt động dịch vụ của tổ chức đề nghị chứng nhận theo từng vấn đề: Tư cách pháp nhân, nhân lực, chuyên môn, trang thiết bị và cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ hoạt động quan trắc môi trường.

2.8. Hội đồng đã bỏ phiếu đánh giá điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường của tổ chức đề nghị chứng nhận. Kết quả kiểm phiếu đánh giá như sau:

- Số phiếu phát ra:.....

- Số phiếu thu về:.....

- Số phiếu hợp lệ (*phiếu hợp lệ là phiếu đánh giá đủ tất cả các tiêu chí*):.....

- Số phiếu không hợp lệ:.....

- Kết quả kiểm phiếu:

+ Số phiếu đồng ý cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường cho Tổ chức:.....

+ Số phiếu không đồng ý cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường cho Tổ chức:.....

2.9. Kết luận và kiến nghị của Hội đồng

Căn cứ kết quả kiểm phiếu, Hội đồng

Hội đồng đề nghị (1) xem xét trình cấp có thẩm quyền:

☐ **Không ban hành** Quyết định chứng nhận tổ chức đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

Lý do:.....

☐ **Ban hành** Quyết định chứng nhận tổ chức đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

Lĩnh vực đề nghị chứng nhận:

Quan trắc hiện trường

Phân tích môi trường

Phạm vi đề nghị chứng nhận:

a) Nước:

- Nước mặt

+ Số thông số lấy mẫu đề nghị chứng nhận:.....

+ Số thông số đo tại hiện trường đề nghị chứng nhận:.....

+ Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....

- Nước thải

+ Số thông số lấy mẫu đề nghị chứng nhận:.....

+ Số thông số đo tại hiện trường đề nghị chứng nhận:.....

+ Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....

- Nước dưới đất

+ Số thông số lấy mẫu đề nghị chứng nhận:.....

+ Số thông số đo tại hiện trường đề nghị chứng nhận:.....

+ Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....

- Nước mưa

+ Số thông số lấy mẫu đề nghị chứng nhận:.....

+ Số thông số đo tại hiện trường đề nghị chứng nhận:.....

+ Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....

- Nước biển

+ Số thông số lấy mẫu đề nghị chứng nhận:.....

+ Số thông số đo tại hiện trường đề nghị chứng nhận:.....

+ Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....

- Khác:.....

b) Khí:

- Không khí xung quanh

+ Số thông số lấy mẫu đề nghị chứng nhận:.....

+ Số thông số đo tại hiện trường đề nghị chứng nhận:.....

+ Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....

- Khí thải

+ Số thông số lấy mẫu đề nghị chứng nhận:.....

+ Số thông số đo tại hiện trường đề nghị chứng nhận:.....

+ Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....

- Khí thải phương tiện giao thông cơ giới đường bộ:

+ Số thông số đo khí thải phương tiện giao thông đường bộ đề nghị chứng nhận:.....

c) Đất

+ Số thông số lấy mẫu đề nghị chứng nhận:.....

+ Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....

d) Trầm tích

+ Số thông số lấy mẫu đề nghị chứng nhận:.....

+ Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....

đ) Chất thải

+ Số thông số lấy mẫu đề nghị chứng nhận:.....

+ Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....

e) Bùn

+ Số thông số lấy mẫu đề nghị chứng nhận:.....

+ Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....

g) Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa chất ô nhiễm khó phân hủy

+ Số thông số lấy mẫu đề nghị chứng nhận:.....

+ Số thông số phân tích môi trường đề nghị chứng nhận:.....

(Danh mục chi tiết thông số được chứng nhận tại Phụ lục kèm theo Biên bản này)

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG

(Chữ ký)

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

(Chữ ký)

Họ và tên

Họ và tên

Ghi chú:

(1) Cơ quan cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

(2) Thủ trưởng hoặc người đứng đầu Cơ quan cấp/điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

PHỤ LỤC
PHẠM VI ĐƯỢC CHỨNG NHẬN

[Tên nền mẫu môi trường]

- Đo đạc tại hiện trường:

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo
1			
2			
3			
...			

- Lấy và bảo quản mẫu:

TT	Loại mẫu	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng
1		
2		
3		
...		

- Xử lý và phân tích mẫu môi trường:

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo
1			
2			
3			
...			

Mẫu số 07. Báo cáo việc đáp ứng các quy định về năng lực, thiết bị quan trắc, bảo đảm chất lượng số liệu quan trắc

**TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN
THỰC HIỆN QUAN TRẮC
MÔI TRƯỜNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....

(Địa danh), ngày... tháng... năm...

V/v báo cáo về việc quan trắc môi trường phục vụ cung cấp thông tin, dữ liệu môi trường

Kính gửi:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh, thành phố (1)

Thực hiện Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;

Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường;

1. Tên tổ chức/cá nhân:.....

Người đại diện trước pháp luật (đối với tổ chức):.....

Số CMTND/Căn cước công dân....., ngày....., nơi cấp.....
đối với cá nhân):.....

2. Địa chỉ:.....

3. Số điện thoại:..... Fax:..... E-mail:.....

4. Quá trình hình thành, phát triển của đơn vị;

5. Mục đích thực hiện hoạt động quan trắc tự động, liên tục.

6. Thông tin về các trạm/thiết bị quan trắc tự động, liên tục mà đơn vị đang quản lý:

a) Số lượng trạm/thiết bị quan trắc tự động liên tục mà đơn vị đang vận hành; phân bố các trạm/thiết bị theo từng địa phương;

b) Các Giấy chứng nhận, đăng ký về chất lượng hoặc sở hữu trí tuệ đối với các thiết bị quan trắc tự động đang sử dụng (nếu có);

c) Nền tảng ứng dụng hoặc địa chỉ trang thông tin điện tử công bố thông tin kết quả quan trắc của trạm/thiết bị (nếu có);

d) Danh mục thông tin cơ bản về từng trạm/thiết bị quan trắc không khí tự động, liên tục trong mạng lưới đang quản lý:

TT	Tên trạm/thiết bị	Thời gian bắt đầu đo đặc tại điểm đo	Công nghệ/Loại trạm	Mô tả vị trí quan trắc	Thông số quan trắc	Model thiết bị	Hãng/Quốc gia sản xuất	Hiện trạng hoạt động
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1								
2								
...	...	...	...	...	...	...	...	...

7. Bảo đảm các yêu cầu về hệ thống quan trắc

- Nhân lực quản lý và vận hành;

- Hồ sơ quản lý của hệ thống bao gồm: Danh mục các thông số quan trắc; Danh mục, đặc tính kỹ thuật của các thiết bị quan trắc, báo cáo kết quả kiểm tra thiết bị (test report) của nhà sản xuất thiết bị (nếu có); Hướng dẫn sử dụng thiết bị; Bản vẽ thiết kế và mô tả về hệ thống (nếu có); Quy trình vận hành chuẩn (SOP) đối với quan trắc tự động; Các trang thiết bị và linh phụ kiện dự phòng (nếu có);

- Hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn thiết bị;

- Phương pháp, tần suất kiểm tra độ chính xác của thiết bị đo trong mạng lưới quan trắc đang quản lý;

Chúng tôi/Tôi cam kết thực hiện việc quan trắc môi trường, cung cấp/công bố thông tin, dữ liệu quan trắc môi trường tuân thủ theo quy định của pháp luật về năng lực, thiết bị quan trắc, bảo đảm chất lượng số liệu quan trắc; bảo vệ bí mật nhà nước, sở hữu trí tuệ và chịu trách nhiệm về nguồn gốc của thông tin, dữ liệu./.

NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU TỔ CHỨC/CÁ NHÂN

Nơi nhận:

(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu của tổ chức)

- Như trên;

- Lưu:

Họ và tên

Ghi chú:

(1) Theo địa bàn có thông tin, dữ liệu quan trắc môi trường của tổ chức, cá nhân.

Mẫu số 08. Vị trí, thời gian, tần suất, thông số quan trắc môi trường đối với các hoạt động dầu khí ngoài khơi

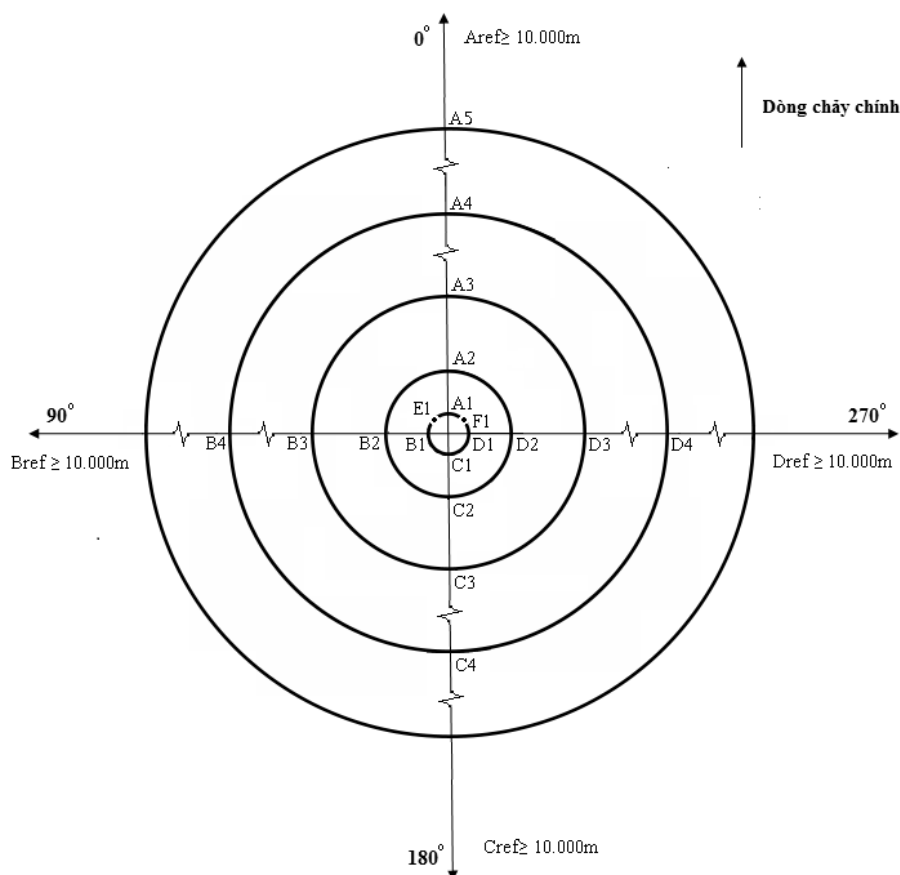
1. Vị trí, thời gian, tần suất, thông số quan trắc:

Bảng 1: Tần suất, loại mẫu và vị trí (số lượng) mẫu quan trắc theo từng hoạt động

TT	Hoạt động		Loại mẫu	Tần suất	Các điểm quan trắc, được thể hiện tại Hình 1 và Bảng 2	Thông số quan trắc
1	Khoan thăm dò dung dịch khoan nền nước		Không cần thực hiện quan trắc môi trường			
2	Khoan thăm dò bằng dung dịch khoan nền không nước mới; khoan thăm dò tại khu vực cách bờ nhỏ hơn 3 hải lý và khu vực nhạy cảm môi trường.	Quan trắc môi trường trước thăm dò	Mẫu nước	01 lần trước khi khoan thăm dò	A3, B3, C3, D3	Quy định tại mục: 2.2.1; 2.2.2.
			Mẫu Trầm tích		A3, B3, C3, D3	Quy định tại mục: 2.1.1; 2.1.2; 2.1.3; 2.1.4; 2.1.5; 2.1.6
		Quan trắc môi trường sau khoan thăm dò	Mẫu nước	01 lần sau khi khoan thăm dò	A1, A2, Aref, C1, Cref,	Quy định tại mục: 2.2.1, 2.2.2
			Mẫu Trầm tích		A1, A2, A3, A4, A5, Aref, B1, B2, B3, B4, Bref, C1, C2, C3, C4, Cref, D1, D2, D3, D4	Quy định tại mục: 2.1.1, 2.1.2, 2.1.3, 2.1.4, 2.1.5, 2.1.6.

TT	Hoạt động		Loại mẫu	Tần suất	Các điểm quan trắc, được thể hiện tại Hình 1 và Bảng 2	Thông số quan trắc
3	Khoan phát triển và khai thác mỏ	Quan trắc môi trường trước khi phát triển và khai thác mỏ	Mẫu nước	01 lần trước khi khoan phát triển và khai thác mỏ	A1, A2, Aref, C1, Cref,	Quy định tại mục: 2.2.1, 2.2.2
			Mẫu trầm tích		A1, A2, A3, A4, A5, Aref, B1, B2, B3, B4, Bref, C1, C2, C3, C4, Cref, D1, D2, D3, D4	Quy định tại mục: 2.1.1, 2.1.2, 2.1.3, 2.1.4, 2.1.5, 2.1.6.
		Quan trắc môi trường sau khi phát triển và khai thác mỏ	Mẫu nước	01 lần đầu sau 1 năm khai thác dòng dầu/khí thương mại đầu tiên, các lần quan trắc sau tiến hành 3 năm/lần	A1, A2, Aref, C1, Cref	Quy định tại mục: 2.2.1, 2.2.2.
			Mẫu trầm tích		A1, A2, A3, A4, A5, Aref, B1, B2, B3, B4, Bref, C1, C2, C3, C4, Cref, D1, D2, D3, D4 Trong trường hợp có những mỏ có nhiều nguồn thải từ các công trình tương đối gần nhau (cụm các công trình). Khi khoảng cách giữa 2 điểm thuộc 2 mạng lưới lấy mẫu nhỏ hơn 500 m, chỉ cần tiến hành lấy mẫu tại điểm thuộc mạng lưới có khả năng phát sinh lượng thải nhiều hơn.	Quy định tại mục: 2.1.1, 2.1.2, 2.1.3, 2.1.4, 2.1.5, 2.1.6.

TT	Hoạt động		Loại mẫu	Tần suất	Các điểm quan trắc, được thể hiện tại Hình 1 và Bảng 2	Thông số quan trắc
		Quan trắc đường ống chính dẫn dầu /khí	Mẫu nước	01 lần trước khi lắp đặt	Ít nhất 03 điểm lấy mẫu đáy bao gồm điểm đầu điểm cuối, bố trí dọc theo tuyến ống, nằm xuôi hướng dòng chảy chiếm ưu thế cách đường ống khoảng 250 m, khoảng cách tối đa giữa các điểm là 20 km	Quy định tại mục: 2.2.1, 2.2.2
			Mẫu trầm tích			Quy định tại mục: 2.1.1; 2.1.2; 2.1.3; 2.1.4; 2.1.5; 2.1.6.
4	Hoạt động tháo dỡ công trình dầu khí	Quan trắc sau tháo dỡ	Mẫu nước	01 lần trước	A1, A2, Aref, C1, Cref	Quy định tại mục: 2.2.1, 2.2.2.
			Mẫu trầm tích	tháo dỡ và 01 lần sau khi tháo dỡ xong	A1, A2, A3, A4, A5, Aref, B1, B2, B3, B4, Bref, C1, C2, C3, C4, Cref, D1, D2, D3, D4	Quy định tại mục: 2.1.1; 2.1.2; 2.1.3; 2.1.4; 2.1.5; 2.1.6

Hình 1. Sơ đồ mạng lưới các điểm lấy mẫu quan trắc môi trường

Bảng 2. Mạng lưới lấy mẫu trầm tích và mẫu nước biển
 (0° là hướng của dòng chảy chính kể từ tâm của hệ trục tọa độ tròn)

Vị trí	Khoảng cách kể từ tâm (m)	0°	90°	180°	270°	Ghi chú
1	250	A1	B1	C1	D1	
2	500	A2	B2	C2	D2	
3	1.000	A3	B3	C3	D3	
4	2.000	A4	B4	C4	D4	
5	4.000	A5				
6	Tối thiểu 10.000	A _{ref}	B _{ref}	C _{ref}	(Hoặc D _{ref})	Vị trí đối chiếu

2. Các thông số quan trắc

2.1. Quan trắc trầm tích đáy

2.1.1. Đặc điểm trầm tích đáy: Mô tả bề mặt trầm tích đáy, các loài động vật sống, màu sắc, mùi (nếu có).

2.1.2. Tổng hàm lượng vật chất hữu cơ (TOM)

2.1.3. Phân bố độ hạt, nhiệt độ, độ ẩm, pH.

2.1.4. Hydrocacbon và dung dịch khoan nền không nước

- Tổng hàm lượng hydrocacbon (THC)

- Hàm lượng của 16 hydrocacbon thơm đa vòng (tại Bảng 3) và NPD và các đồng đẳng alkyl C1-C3 của NPD (NPD là tổng của naphthalene, phenanthrene/anthracene, dibenzothiophene) tại tất cả điểm thuộc vòng 250 m, một điểm thuộc vòng 1.000 m theo hướng dòng chảy ưu thế, các điểm đối chiếu và các điểm khi có hàm lượng Tổng hydrocarbon (THC) lớn hơn 50 mg/kg khô.

2.1.5. Kim loại nặng

- Phân tích các kim loại As, Ba, Cd, Cr, Cu, Pb, Zn và Hg.

2.1.6. Quần xã động vật đáy (quy định tại Bảng 4)

- Số loài trên diện tích lấy mẫu 0,5 m² (ở mỗi điểm lấy mẫu);

- Mật độ (số cá thể/đơn vị diện tích) quy về diện tích 1,0 m² (ở mỗi trạm lấy mẫu);

- Danh sách đầy đủ các loài; hoặc các cấp độ phân loại tới mức thấp nhất có thể (giống, họ, bộ...) trong trường hợp không thể định danh được đến mức loài;

- Bảng danh mục các loài chiếm ưu thế ở mỗi điểm lấy mẫu;

- Tính đa dạng, được thể hiện bằng chỉ số đa dạng sinh học (Chỉ số Shannon Wiener) - Hs trên cơ sở log₂;

- Chỉ số tương đồng Pielou (J);

- Chỉ số Hulbert ES100 khi số cá thể lớn hơn 100.

2.2. Quan trắc chất lượng môi trường nước

2.2.1. Các thông số đo đạc tại hiện trường

Nhiệt độ, pH, hàm lượng oxy hòa tan (DO), độ mặn.

2.2.2. Các thông số phân tích trong phòng thí nghiệm

Tổng hydrocacbon (THC), tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Zn, Hg, Cd, tổng Cr, Cu, As, Pb và Ba.

Bảng 3. Danh mục 16 hydrocacbon thơm đa vòng (PAH)

STT	Tên hợp chất
1	Acenaphthene
2	Acenaphthylene
3	Anthracene
4	Benzo (a) anthracene
5	Benzo (a) pyrene
6	Benzo (b) fluoranthene
7	Benzo (ghi) perylene
8	Benzo (k) fluoranthene
9	Chrysene
10	Dibenzo (a,h) anthracene
11	Fluoranthene
12	Fluorene
13	Indeno (1,2,3-cd) pyrene
14	Naphthalene
15	Phenanthrene
16	Pyrene

Bảng 4. Đánh giá mức độ đa dạng của quần xã động vật đáy

Đa dạng động vật đáy $H_s = 1 - 5$ (Theo chỉ số đa dạng Shannon Weiner)	
$H_s = 0 - 0,99$	1
$H_s = 1 - 1,99$	2
$H_s = 2 - 2,99$	3
$H_s = 3 - 3,99$	4
$H_s > 4$	5

Mẫu số 09. Văn bản thông báo miễn quan trắc định kỳ của dự án, cơ sở

(1)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....

(Địa danh), ngày... tháng... năm...

V/v thông báo về việc được
miễn thực hiện quan trắc
nước thải, khí thải định kỳ

Kính gửi: (3)

(1) là chủ dự án đầu tư, cơ sở (2), thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục các thông số quan trắc chính theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Địa chỉ trụ sở chính của (1):
- Địa điểm thực hiện dự án đầu tư, cơ sở (2):
- Giấy chứng nhận đầu tư/đăng ký kinh doanh số:..... ngày..... của (1) hoặc các giấy tờ tương đương (nếu có).
- Người đại diện theo pháp luật của (1):.....
- Điện thoại:.....; Fax:.....; E-mail:.....

Chúng tôi gửi đến (3) hồ sơ gồm:

- Một (01) bản sao Giấy phép môi trường số... ngày... do (3) cấp.
- Một (01) bản sao kết quả quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục các thông số quan trắc chính đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trong 03 năm liên tiếp (kèm theo kết quả kiểm định, hiệu chuẩn, đánh giá kiểm soát chất lượng hệ thống quan trắc tự động, liên tục (đánh giá RA) định kỳ theo quy định);
- Một (01) bản sao kết quả kiểm tra, thanh tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền gần nhất kèm theo kết quả mẫu nước thải, khí thải đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

Chúng tôi cam kết bảo đảm về độ trung thực, chính xác của các thông tin, số liệu được nêu trong các tài liệu nêu trên. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Chúng tôi thông báo với (3) về việc được miễn thực hiện quan trắc nước thải, khí thải định kỳ của dự án đầu tư, cơ sở (2) theo quy định tại Điều 97 (đối với nước thải) và Điều 98 (đối với khí thải) Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường./.

NGƯỜI ĐỪNG ĐẦU TỐ CHỨC/CÁ NHÂN

(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu của tổ chức)

Nơi nhận:

- Như trên;

-.....

- Lưu:

Họ và tên

Ghi chú:

(1) Chủ dự án đầu tư, cơ sở;

(2) Tên đầy đủ, chính xác của dự án đầu tư, cơ sở;

(3) Cơ quan đã cấp giấy phép môi trường; trường hợp giấy phép môi trường do cơ quan trung ương cấp (trừ trường hợp thuộc bí mật quốc phòng, an ninh) thì gửi thêm cho cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh biết để theo dõi, giám sát quá trình thực hiện;

Mẫu số 10. Văn bản thông báo kết quả quan trắc của dự án, cơ sở vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường

(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...

V/v thông báo kết quả quan trắc
(định kỳ hoặc tự động, liên tục)
của dự án, cơ sở vượt quy chuẩn
kỹ thuật môi trường và yêu cầu
khắc phục theo quy định

(Địa danh), ngày... tháng... năm...

Kính gửi: (2)

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Giấy phép môi trường số... ngày... tháng... năm... do (3) cấp;

Căn cứ kết quả quan trắc nước thải, khí thải (định kỳ hoặc tự động, liên tục) của dự án, cơ sở (2) nộp về (1) ngày... tháng... năm....

(1) thông báo với (2) về việc kết quả quan trắc nước thải, khí thải (định kỳ hoặc tự động, liên tục) của dự án, cơ sở (2) vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với các thông số...

(1) yêu cầu (2) có biện pháp khắc phục ngay theo quy định và báo cáo kết quả thực hiện.

Sau ngày... (ban hành thông báo này), nếu kết quả quan trắc vẫn tiếp tục vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường, (1) tổ chức làm việc với (2) và lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường để xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật.

(1) thông báo để (2) biết, thực hiện./.

NGƯỜI ĐỪNG ĐẦU TỔ CHỨC/CÁ NHÂN

(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu của tổ chức)

Nơi nhận:

- Như trên;

-.....

Họ và tên

- Lưu:

Ghi chú:

- (1) Cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh;
- (2) Chủ dự án đầu tư, cơ sở; Tên đầy đủ, chính xác của dự án đầu tư, cơ sở;
- (3) Cơ quan đã cấp giấy phép môi trường;

(Xem tiếp Công báo số 195 + 196)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: <http://congbao.chinhphu.vn>
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng